

BỘ TƯ PHÁP
VỤ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ - HÀNH CHÍNH

HỎI ĐÁP VỀ LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

CHỦ BIÊN:

TS. Nguyễn Thị Hạnh

Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

THAM GIA BIÊN SOẠN:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Thoa

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

2. NCS. Nguyễn Quỳnh Liên

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

3. TS. Mai Thị Kim Huế

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

4. ThS. Dương Thị Ngọc Chiến

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

5. ThS. Chu Thị Thái Hà

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

6. ThS. Phạm Thị Hậu

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

7. ThS. Hoàng Thanh Thảo

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

8. ThS. Đỗ Thị Huệ

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

9. ThS. Vũ Thị Hiền

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

LỜI GIỚI THIỆU

Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, của công dân đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể hóa quy định về quyền tiếp cận thông tin được ghi nhận tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013, Quốc hội Việt Nam khóa XIII đã ban hành Luật tiếp cận thông tin vào ngày 06 tháng 4 năm 2016 để quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; về nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin; về trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Luật tiếp cận thông tin liên quan trực tiếp đến quyền của công dân và trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Để tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng

cao nhận thức của cán bộ, công chức các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp tổ chức biên soạn cuốn **“Hỏi đáp về Luật tiếp cận thông tin”** trong đó cung cấp những thông tin cơ bản, quan trọng của Luật thông qua hình thức là các câu hỏi - đáp về các vấn đề thuộc nội dung của Luật.

Đối tượng phục vụ của cuốn sách là các công dân với tư cách là chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin và các cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào công tác cung cấp thông tin tại các cơ quan nhà nước. Cuốn sách cũng là tài liệu hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo về luật và về quyền con người, quyền công dân.

Cuốn sách được biên soạn lần đầu nên không tránh khỏi những thiếu sót, các tác giả và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, tháng 12 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Phần 1
MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA
CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN,
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT, CÁC KHÁI NIỆM
VÀ NGUYÊN TẮC TIẾP CẬN THÔNG TIN

1. Luật tiếp cận thông tin điều chỉnh những vấn đề gì? Ý nghĩa, mục đích của việc ban hành Luật tiếp cận thông tin ở nước ta?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin tập trung vào việc giải quyết những vấn đề liên quan nhằm bảo đảm một người dân bình thường có thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình, bao gồm các nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước

trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền.

Việc ban hành Luật này là nhằm cụ thể hóa Điều 25 Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin của công dân, tạo khuôn khổ pháp lý để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình. Việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin với tư cách là quyền cơ bản của công dân có ý nghĩa làm tiền đề, điều kiện cho việc thực hiện các quyền, tự do dân chủ khác của con người, của công dân mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định, như: quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền bầu cử, ứng cử, quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân, quyền khiếu nại, quyền tố cáo, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí... Đồng thời, sự ra đời của Luật tiếp cận thông tin còn là công cụ giúp phòng, chống tham nhũng; tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; tăng trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

2. Trong đời sống thường ngày, “thông tin” là một khái niệm rất rộng và có nhiều cách hiểu khác nhau. Vậy “thông tin” theo quy định của Luật tiếp cận thông tin được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin, thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử,

tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

Như vậy, Luật này chỉ quy định về các thông tin được chứa đựng trong các văn bản, hồ sơ, tài liệu do cơ quan nhà nước tạo ra trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, mà không phải là thông tin nói chung, thông tin truyền miệng hay các thông tin do chủ thể ngoài nhà nước tạo ra. Ví dụ: phát ngôn tại cuộc họp của một nhà lãnh đạo cấp cao; hồ sơ khách hàng của Công ty bảo hiểm nhân thọ X không được coi là thông tin mà Luật tiếp cận thông tin điều chỉnh.

3. “Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra” • trong Luật tiếp cận thông tin được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin giải thích nội hàm của “thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra” là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

Thông thường, trong quá trình hoạt động, mỗi cơ quan nhà nước có thể tạo ra, nhận được và lưu giữ rất nhiều loại thông tin chứa đựng trong các hồ sơ, tài liệu. Đó có thể là các tài liệu do chính cơ quan đó tạo ra, hoặc nhận được từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác gửi tới để trao đổi thông tin, yêu cầu giải quyết công việc hoặc để triển khai thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. Để xác định chính xác nội hàm của khái

niệm “thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra”, đồng thời gắn liền với trách nhiệm bảo đảm thông tin đó thuộc về cơ quan nhà nước và cơ quan đó có trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, chính thức của thông tin do mình tạo ra, Luật khẳng định thông tin đó là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và phải được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản. Việc ký, đóng dấu thể hiện rõ hồ sơ, tài liệu, văn bản đó đã được cơ quan nhà nước cụ thể ban hành chính thức, ví dụ: các quyết định phê duyệt danh mục đầu tư, kế hoạch, chiến lược đã được ban hành, có ký tên, đóng dấu của cấp có thẩm quyền.

Ngoài ra, quy định này còn nhằm phân biệt với các trường hợp thông tin do cơ quan nhà nước trao đổi, trả lời kiến nghị, hỏi đáp của công dân về một vấn đề cụ thể liên quan tới lĩnh vực quản lý, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó, ví dụ: nội dung hướng dẫn về thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, về nhận nuôi con nuôi, về cho thôi quốc tịch... Đây là trường hợp cơ quan nhà nước trả lời phản ánh, kiến nghị của công dân và để trả lời được thì cơ quan đó phải nghiên cứu các quy định của văn bản pháp luật cụ thể và tổng hợp thành nội dung để gửi tới công dân, nội dung trả lời đó không thuộc nội hàm của khái niệm “thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra” tại Luật tiếp cận thông tin.

4. Thế nào là “cung cấp thông tin do mình tạo ra”?

4. “Đơn vị chủ trì tạo ra thông tin” được hiểu như

thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan nhà nước thường trực tiếp nắm giữ 02 nhóm thông tin gồm: (i) thông tin do cơ quan nhà nước đó tạo ra; (ii) thông tin nhận được từ cơ quan khác cung cấp trong quá trình phối hợp hoạt động (thông tin cơ quan nhà nước không tạo ra nhưng được nắm giữ do quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước).

Theo quy định của Luật, về cơ bản, cơ quan nhà nước có trách nhiệm trực tiếp cung cấp thông tin do cơ quan mình (bao gồm cả trường hợp cơ quan mình làm đầu mối) tạo ra trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Tuy nhiên, đối với một số cơ quan tạo ra thông tin nhưng do tính chất đặc biệt trong tổ chức và hoạt động của mình như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân không thể tự mình cung cấp thông tin do mình tạo ra thì sẽ do các cơ quan phục vụ đang nắm giữ thông tin của các cơ quan này cung cấp, như Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Hội đồng nhân dân...

Bên cạnh đó, để bảo đảm thuận tiện cho công dân trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, giảm bớt chi phí cho công dân, Luật quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (là cấp chính quyền gần dân nhất) bên cạnh việc cung cấp các thông tin do mình tạo ra thì còn có trách nhiệm cung cấp các thông tin nhận được từ cơ quan khác (do các cơ quan khác tạo ra và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã).

Về “đơn vị chủ trì tạo ra thông tin” quy định trong dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin được hiểu là đơn vị đó tham gia trực tiếp vào quá trình tạo ra thông tin đó (trực tiếp tham mưu cho cấp có thẩm quyền soạn thảo văn bản, trình cấp có thẩm quyền ký hoặc phê duyệt văn bản, hồ sơ, tài liệu) theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đó.

5. Ngoài việc tiếp cận thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, người dân còn có thể tiếp cận thông tin theo quy định của những văn bản quy phạm pháp luật nào khác hay không?

Trả lời:

Trước khi có Luật tiếp cận thông tin, tại các văn bản pháp luật trong từng lĩnh vực cụ thể đã quy định về việc công bố công khai thông tin của cơ quan nhà nước, như trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, xây dựng, nhà ở, ngân sách, tài chính, đầu tư, phòng chống tham nhũng... để công dân được tiếp cận. Để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin theo nội dung, tinh thần mới của Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết được ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thể thực hiện tối đa quyền tiếp cận thông tin của mình cũng như tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Đồng thời, tại Luật đã quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin (Điều 16),

theo đó, ngoài việc tiếp cận thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật này, thì người dân còn có thể tiếp cận thông tin theo quy định của các luật khác nếu các luật đó có quy định về việc tiếp cận thông tin và không trái với nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được quy định tại Điều 3 Luật tiếp cận thông tin.

6. Bản án, các quyết định của Tòa án và hồ sơ các vụ việc sau khi có phán quyết của Tòa án, công văn của các cơ quan nhà nước có là thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tiếp cận thông tin hay không?

Trả lời:

Mặc dù Luật tiếp cận thông tin quy định các cơ quan thuộc hệ thống tư pháp như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cũng là một trong các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin, nhưng cần lưu ý rằng việc tiếp cận, cung cấp các thông tin mang tính tư pháp (tức là thông tin có liên quan đến việc xử lý các vụ việc tư pháp cụ thể, như bản án, quyết định của Tòa án và hồ sơ các vụ việc sau khi có phán quyết của Tòa án) phải thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng và các quy định khác có liên quan.

Trên thực tế, các thông tin mang tính tư pháp là loại thông tin chiếm khối lượng lớn trong số thông tin do các cơ quan này tạo ra. Còn theo quy định của Luật tiếp cận thông tin, trách nhiệm, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin của cơ quan tư pháp là áp dụng đối với những thông tin mang tính hành

chính, điều hành trong hoạt động của các cơ quan tư pháp mà cơ quan tư pháp cần thiết công khai cho công chúng (ví dụ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình giải quyết công việc liên quan đến người dân...) hoặc người dân có nhu cầu được cung cấp thông tin do liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cụ thể của họ. Do vậy, trong hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát, khi xác định trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan tư pháp, cần phân biệt rõ thông tin nào thuộc phạm vi được cung cấp theo quy định của Luật tiếp cận thông tin để áp dụng các quy định pháp luật cho phù hợp, nhất là để bảo vệ những thông tin cần phải giữ bí mật trong quy trình tố tụng.

Công văn của các cơ quan nhà nước là những tài liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, đã được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản nên cũng là các thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, các công văn này không phải là các thông tin phải được cơ quan nhà nước công khai rộng rãi; việc cung cấp công văn theo yêu cầu của công dân chỉ xảy ra khi người yêu cầu nêu rõ nội dung công văn đó có liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ. Các công văn này là văn bản chính thức giữa các cơ quan nhà nước với nhau hoặc giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, công dân, phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước.

7. Hồ sơ, tài liệu, biên bản các cuộc thảo luận phục vụ cho quá trình ra quyết định của cơ quan nhà nước có phải là thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tiếp cận thông tin không?

Trả lời:

Hồ sơ, tài liệu, biên bản các cuộc thảo luận phục vụ cho quá trình ra quyết định của cơ quan nhà nước chưa phải là sản phẩm cuối cùng, chưa được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản. Những văn bản, hồ sơ, tài liệu còn đang trong quá trình chuẩn bị, chưa phải là thông tin chính thức thì cơ quan nhà nước không có nghĩa vụ phải cung cấp. Thậm chí, cơ quan nhà nước không được cung cấp các thông tin không chính thống, không chính xác dẫn đến sự hiểu lầm của công chúng về quan điểm, chính sách của các cơ quan nhà nước và có thể việc cung cấp thông tin gây hậu quả không tốt cho xã hội. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin thì hồ sơ, tài liệu, biên bản không phải là thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tiếp cận thông tin.

8. Thế nào là “tiếp cận thông tin”, “cung cấp thông tin” theo quy định của Luật tiếp cận thông tin?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin, tiếp cận thông tin được hiểu là các biện pháp, phương thức để

người dân biết được thông tin đó, bao gồm *đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp* thông tin.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin, cung cấp thông tin được hiểu là các biện pháp để cơ quan nhà nước chuyển tải thông tin đến người dân, bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

9 • **Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được thực hiện theo những nguyên tắc nào?**

Trả lời:

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận. Thể chế hóa nguyên tắc Hiến định, Luật tiếp cận thông tin quy định nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin (khoản 1 Điều 3). Nhằm đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin, Luật này cũng quy định nguyên tắc thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (khoản 2 và khoản 3 Điều 3).

Bên cạnh đó, phù hợp với các nguyên tắc của Hiến pháp năm 2013 về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, Luật tiếp cận thông tin quy định nguyên tắc việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định và trong các trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe

của cộng đồng; việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác (khoản 4 và khoản 5 Điều 3).

Để bảo đảm mọi công dân được tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình, nhất là đối với các đối tượng có điều kiện khó khăn, Luật tiếp cận thông tin quy định nguyên tắc: Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (khoản 6 Điều 3).

10. Luật tiếp cận thông tin có cơ chế nào bảo đảm việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người mất hoặc chưa đủ năng lực hành vi dân sự?

Trả lời:

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật tiếp cận thông tin là bảo đảm mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Chính vì vậy, Luật quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận

thông tin (khoản 6 Điều 3). Trong trường hợp công khai thông tin, ngoài các hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật, cơ quan nhà nước phải xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân (khoản 3 Điều 18). Trong trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu, cơ quan nhà nước cũng cần thực hiện các biện pháp hỗ trợ người yêu cầu cung cấp thông tin là người khuyết tật, người không biết chữ, ví dụ như giúp họ điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm đa dạng hóa các hình thức, phương thức cung cấp thông tin phù hợp với khả năng tiếp cận của người yêu cầu cung cấp thông tin; bố trí thiết bị nghe - nhìn và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, ưu tiên cung cấp thông tin cho người khuyết tật theo quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về người khuyết tật.

Luật tiếp cận thông tin cũng quy định việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng là người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi. Theo đó, những đối tượng này thực hiện quyền tiếp cận thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật, người giám hộ, trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác (khoản 2 và khoản 3 Điều 4).

11 • Trong trường hợp Luật tiếp cận thông tin và các luật khác có quy định khác nhau về việc tiếp cận thông tin thì áp dụng quy định của

luật nào?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân. Tuy nhiên, nhằm tạo điều kiện để người dân thực hiện tối đa quyền tiếp cận thông tin của mình, Luật tiếp cận thông tin cũng quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật: trong trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với các nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin quy định tại Điều 3 của Luật tiếp cận thông tin thì được thực hiện theo quy định của luật đó (Điều 16).

12. Thông tin đã chuyển sang lưu trữ thì tiếp cận theo cách thức nào?

Trả lời:

Theo quy định của Luật lưu trữ thì có hai hình thức lưu trữ là lưu trữ cơ quan và lưu trữ lịch sử. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày công việc kết thúc, hoặc trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản, thì hồ sơ, tài liệu được nộp vào lưu trữ cơ quan. Đối với trường hợp lưu trữ lịch sử, trong thời hạn 10 năm kể từ năm công việc kết thúc, cơ quan, tổ chức thuộc Danh mục cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu có trách nhiệm nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn vào lưu trữ lịch sử.

Đối với trường hợp lưu trữ cơ quan, Luật lưu trữ quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức căn cứ quy định của

Luật lưu trữ và các quy định khác của pháp luật có liên quan quy định việc sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ cơ quan của cơ quan, tổ chức mình. Do đó, công dân có thể sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ cơ quan của cơ quan nhà nước theo quy định của Luật lưu trữ. Ngoài ra, công dân cũng có thể tiếp cận tài liệu lưu trữ cơ quan theo quy định của Luật tiếp cận thông tin nếu thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin (công dân có Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, tuân thủ các trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin, giới hạn phạm vi thông tin được tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin).

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin cũng quy định việc tiếp cận thông tin được tạo ra trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 (trước ngày Luật có hiệu lực) được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật ban hành trước ngày Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực và phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 3 của Luật.

Trường hợp thông tin đã được chuyển sang lưu trữ lịch sử thì được tiếp cận theo quy định của Luật lưu trữ, do các thông tin lưu trữ lịch sử có sự khác biệt cơ bản, cần được điều chỉnh riêng với những quy định hết sức chặt chẽ nên không thuộc diện được tiếp cận theo các hình thức thông thường như các loại thông tin khác được quy định trong Luật tiếp cận thông tin.

13. Trường hợp nhà báo tiếp cận thông tin phục vụ cho tác nghiệp báo chí thì thực hiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin hay Luật

báo chí?

Trả lời:

Báo chí là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; là diễn đàn của Nhân dân. Báo chí có nhiệm vụ thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của Nhân dân; tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí... Với vai trò như trên, Luật báo chí có những quy định riêng, hết sức chặt chẽ và đầy đủ để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động báo chí, trong đó có những quy định liên quan đến việc nhà báo tiếp cận thông tin để phục vụ cho tác nghiệp báo chí; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cung cấp thông tin cho nhà báo, cơ quan báo chí. Trong khi đó, Luật tiếp cận thông tin chỉ quy định các vấn đề liên quan đến việc công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin để phục vụ cho mục đích cá nhân. Do đó, trong trường hợp nhà báo tiếp cận thông tin phục vụ cho tác nghiệp báo chí thì được thực hiện theo quy định về cung cấp thông tin cho báo chí tại Luật báo chí.

Phần 2
THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN,
KHÔNG ĐƯỢC TIẾP CẬN,
THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN

14. Công dân được tiếp cận những thông tin nào của cơ quan nhà nước?

Trả lời:

Nhằm tối đa hóa phạm vi thông tin được tiếp cận cũng như bảo đảm công khai, minh bạch trong các quy định của Luật, tại Luật tiếp cận thông tin quy định rõ phạm vi các thông tin của cơ quan nhà nước mà công dân được tiếp cận. Theo đó, tại Điều 5 của Luật quy định, *công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này*. Bên cạnh đó, công dân cũng được tiếp cận có điều kiện đối với những thông tin quy định tại Điều 7 Luật tiếp cận thông tin.

Quy định loại trừ thông tin không được tiếp cận xuất phát từ nguyên tắc quyền tiếp cận thông tin là quyền có giới hạn. Giới hạn quan trọng đối với quyền tiếp cận thông tin là phạm vi thông tin được tiếp cận. Phạm vi thông tin được tiếp cận loại trừ các thông tin mà việc cung cấp có thể gây hại đối với các lợi ích quan trọng mà Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ như thông tin bí mật nhà nước, thông tin mà việc cung cấp có thể gây nguy hại cho Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ...

15. Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân không được tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin?

Trả lời:

Căn cứ nguyên tắc hạn chế quyền công dân được quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013¹ và trên cơ sở rà soát hệ thống pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ

¹ Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.

hồ sơ, tài liệu trong các văn bản pháp luật hiện hành, tại Điều 6 Luật tiếp cận thông tin quy định các loại thông tin mà công dân không được tiếp cận bao gồm:

(i) Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật.

Đối với thông tin thuộc những loại trên, công dân không được tiếp cận, theo đó, cơ quan nhà nước không công khai thông tin để công dân tiếp cận hoặc nếu công dân yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin thì yêu cầu của công dân sẽ bị từ chối.

Tuy nhiên, khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật thì công dân được tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin. Quy định này cũng đã đặt ra nguyên tắc để sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hiện nay nhằm bảo đảm thực hiện được quyền tiếp cận thông tin sau giải mật và trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải cung cấp thông tin sau giải mật.

(ii) Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Trong trường hợp này, công dân không được tiếp cận

thông tin nếu cơ quan nhà nước qua phân tích đánh giá thấy rằng việc cung cấp thông tin là có hại đối với các lợi ích hợp pháp mà Nhà nước và pháp luật bảo vệ.

16. Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân có thể tiếp cận trong những điều kiện nhất định?

Trả lời:

Điều 7 Luật tiếp cận thông tin quy định các trường hợp thông tin của cơ quan nhà nước mà công dân được tiếp cận có điều kiện, cụ thể là:

(i) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý;

Theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ, bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh. Tuy nhiên, không phải mọi thông tin có đặc điểm như trên được coi là thông tin bí mật kinh doanh được bảo hộ. Thông tin bí mật kinh doanh chỉ được bảo hộ nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và khi đó, thông tin này sẽ được Nhà nước bảo đảm không cung cấp nếu không có sự đồng ý của chủ sở hữu.

(ii) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý;

(iii) Thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

Các loại thông tin nêu trên thuộc về các loại bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Hiến pháp, Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Luật giao dịch điện tử, Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân... và là các thông tin được Nhà nước bảo đảm không cung cấp cho bất kỳ công dân nào. Tuy nhiên, nhằm tôn trọng quyền của cá nhân đối với thông tin về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, Luật tiếp cận thông tin quy định trong trường hợp có sự đồng ý của cá nhân hoặc các thành viên gia đình thì các loại thông tin này có thể được Nhà nước cung cấp.

17. Cơ sở để xác định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu/cá nhân/các thành viên gia đình là gì?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin quy định: trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình *trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan* mà không cần có sự đồng ý của chủ sở hữu bí mật kinh doanh, cá nhân, các thành viên gia đình theo quy

định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin.

Quy định này hướng đến việc ưu tiên bảo vệ lợi ích công cộng và sức khỏe cộng đồng. Chỉ trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng và sức khỏe cộng đồng, người có thẩm quyền mới được quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến các bí mật nêu trên mà không cần sự đồng ý của các chủ thể được nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin.

18. Bằng chứng thể hiện cá nhân/các thành viên trong gia đình đồng ý cung cấp thông tin liên quan đến cá nhân/gia đình là gì? Trường hợp thông tin có liên quan đến bí mật gia đình thì có cần phải được tất cả các thành viên trong gia đình đồng ý không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin, đối với thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân thì công dân được tiếp cận khi được người đó đồng ý. Đối với thông tin liên quan đến bí mật gia đình thì công dân được tiếp cận khi được các thành viên gia đình đồng ý. Tức là cần phải được tất cả các thành viên trong gia đình đồng ý.

Sự đồng ý của cá nhân/các thành viên trong gia đình phải được thể hiện bằng văn bản. Do đó, dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp

cận thông tin đã xây dựng *Mẫu văn bản chấp thuận của cá nhân, tổ chức liên quan*.

Văn bản chấp thuận phải thể hiện rõ nội dung: cá nhân là chủ sở hữu thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân hoặc là thành viên của gia đình có thông tin liên quan đến bí mật gia đình đồng ý để người yêu cầu cung cấp thông tin được tiếp cận đối với thông tin nêu trên.

Văn bản chấp thuận phải được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân là chủ sở hữu thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân hoặc gia đình đó cư trú.

19. Trong trường hợp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh có đồng chủ sở hữu thì có cần phải được tất cả các chủ sở hữu đồng ý cung cấp hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin, công dân được tiếp cận đối với thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh khi chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó² đồng ý.

² Theo khoản 3 Điều 121 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): *Chủ sở hữu bí mật kinh doanh là tổ chức, cá nhân có được bí mật kinh doanh một cách hợp pháp và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó. Bí mật kinh doanh mà bên làm thuê, bên thực hiện nhiệm vụ được giao có được*

Trường hợp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh có đồng chủ sở hữu thì công dân chỉ được tiếp cận đối với bí mật kinh doanh đó khi các đồng chủ sở hữu đồng ý, trừ trường hợp các chủ sở hữu ủy quyền cho một chủ sở hữu quyết định việc đồng ý cung cấp thông tin. Cơ chế chấp thuận này nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu bí mật kinh doanh có liên quan.

Cần lưu ý, đây phải là các thông tin do các cơ quan nhà nước quản lý trong các lĩnh vực có liên quan tới bí mật kinh doanh tạo ra và nắm giữ, quản lý. Đối với thông tin bí mật kinh doanh thuộc quản lý và sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân mà các chủ thể này tự ý cung cấp thì thực hiện theo thỏa thuận dân sự, không thực hiện theo quy trình tại Luật này.

Văn bản chấp thuận phải thể hiện rõ nội dung: cá nhân là chủ sở hữu bí mật kinh doanh đồng ý để người yêu cầu cung cấp thông tin được tiếp cận đối với thông tin nêu trên.

Trong trường hợp cá nhân là chủ sở hữu có văn bản chấp thuận thì văn bản chấp thuận phải được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đó cư trú.

Trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp là chủ sở hữu có văn bản chấp thuận thì người đại diện cho tổ chức, doanh

trong khi thực hiện công việc được thuê hoặc được giao thuộc quyền sở hữu của bên thuê hoặc bên giao việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

nghiệp đó ký, đóng dấu mà không cần xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Phần 3

**CHỦ THỂ CUNG CẤP THÔNG TIN,
CHỦ THỂ TIẾP CẬN THÔNG TIN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CÔNG DÂN TRONG TIẾP CẬN THÔNG TIN**

20. Tại sao Luật tiếp cận thông tin chỉ quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đối với công dân? Luật có cơ chế nào cho phép người nước ngoài có thể tiếp cận thông tin không?

Trả lời:

Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định quyền tiếp cận thông tin là của công dân. Do đó, để cụ thể hóa chính xác, đầy đủ quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013, Luật tiếp cận thông tin chỉ quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Tại khoản 1 Điều 4 của Luật khẳng định: *công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật này.*

Thực tế cho thấy, trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và thực hiện chủ trương mở rộng hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài, một số lượng lớn nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam làm ăn, sinh sống, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quốc tịch nước ngoài về Việt Nam đầu tư, kinh doanh cũng có nhu cầu được tiếp cận thông tin để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, theo quy định của Luật tiếp cận thông tin, người nước ngoài có quyền tiếp cận các thông tin công khai rộng rãi theo quy định của Luật mà không bị giới hạn. Riêng đối với các thông tin được cung cấp theo yêu cầu, những người này chỉ được yêu cầu cung cấp những *thông tin có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ* (khoản 1 Điều 36 Luật tiếp cận thông tin).

Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được áp dụng theo các quy định tại Chương III Luật tiếp cận thông tin (khoản 1 Điều 36 Luật tiếp cận thông tin).

21. Tổ chức, doanh nghiệp có được tiếp cận thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin không?

Trả lời:

Nhằm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật tiếp cận thông tin chỉ quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, qua rà soát hệ thống pháp luật hiện hành cho thấy, hiện nay, các tổ chức, doanh nghiệp có quyền tiếp cận các thông tin theo quy định của pháp luật chuyên ngành³.

³ Trong các lĩnh vực xây dựng, nhà ở, đất đai, môi trường, tài nguyên, khiếu nại, tố cáo... - là các lĩnh vực có nhiều thông tin liên quan tới các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân, pháp luật quy định cụ thể chủ thể có quyền tiếp cận thông tin trong các lĩnh vực này là “cơ quan, tổ chức, cá nhân” hoặc “tổ chức, cá nhân”, “cá nhân, tổ chức, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đại diện cộng đồng dân cư”, “cộng đồng dân cư trên địa bàn”. Quy định này mặc dù xác định rõ chủ thể được tiếp cận thông tin, nhưng thực tế đã bao quát tất cả các đối tượng trong xã hội và không giới hạn tới bất kỳ chủ thể nào. Điều đó có nghĩa mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân không phân biệt giữa công dân Việt Nam

Đối với các thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin, có thể thấy rằng các tổ chức, doanh nghiệp hoàn toàn có thể tiếp cận đối với thông tin công bố công khai. Đối với thông tin được cung cấp theo yêu cầu, do việc cung cấp thông tin chỉ được thực hiện khi có yêu cầu hợp lệ của một cá nhân công dân cụ thể, nên trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận một thông tin nhất định, tổ chức, doanh nghiệp có thể cử người đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp để yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo các điều kiện, trình tự, thủ tục quy định tại Luật tiếp cận thông tin.

22. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Để tạo thuận lợi tối đa cho công dân yêu cầu cung cấp thông tin, đồng thời, giảm tải cho cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin cho nhiều người có cùng yêu cầu cung cấp thông tin, khoản 2 Điều 36 Luật tiếp cận thông tin quy định: công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau.

với người nước ngoài, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước... đều được tiếp cận thông tin trong các lĩnh vực này.

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin được xây dựng theo hướng quy định cụ thể như sau:

- Việc yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức) được thực hiện trong trường hợp nhiều người trong tổ chức có cùng yêu cầu tiếp cận đối với thông tin giống nhau. Tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cử người đại diện để thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin.

- Người đại diện có trách nhiệm lập Danh sách những người có cùng yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau, gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin kèm theo Danh sách những người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin và thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định.

Danh sách những người yêu cầu cung cấp thông tin phải có đầy đủ các nội dung sau: Họ, tên; số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu và lý do, mục đích của từng người yêu cầu.

- Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức được thực hiện theo quy định tại Luật tiếp cận thông tin.

23. Những cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp thông tin?

Trả lời:

Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo là Luật tiếp cận thông tin điều chỉnh mối quan hệ về tiếp cận thông tin giữa Nhà nước và công dân, do đó, Luật này quy định trách nhiệm của các cơ

quan nhà nước, từ cơ quan lập pháp, hành pháp, đến cơ quan tư pháp, từ các cơ quan trung ương đến các cơ quan ở địa phương (như Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Kiểm toán nhà nước; Hội đồng nhân dân các cấp; Ủy ban nhân dân các cấp...) trong việc cung cấp thông tin cho công dân.

Khoản 1 Điều 9 Luật tiếp cận thông tin quy định: *cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Luật này; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 của Luật này thì cơ quan nhà nước cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định.*

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã là nơi tiếp nhận hầu hết các thông tin chính thức của các cơ quan nhà nước cấp trên (như các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật...) và là cấp cơ sở gần với người dân nhất, là nơi cung cấp và giải đáp mọi nhu cầu, vướng mắc cho người dân, nên để tạo thuận lợi cho công dân và giảm chi phí tiếp cận thông tin cho công dân, Luật tiếp cận thông tin quy định: ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình *nhận được từ cơ quan khác* để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Luật này; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 của Luật này thì

cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định (khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 9 Luật tiếp cận thông tin).

24. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có các đơn vị tổ chức sự nghiệp công lập thì việc tiếp cận thông tin do các đơn vị này tạo ra và nắm giữ được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật tiếp cận thông tin là mở dần từng bước để bảo đảm tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn của nước ta, do đó, Luật chỉ tập trung quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước.

Do đó, đối với các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, đây là các tổ chức cũng tạo ra và nắm giữ những thông tin liên quan đến tình hình thực hiện nhiệm vụ, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện chính sách, dự án lớn của Nhà nước, các vấn đề liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ công... là những thông tin được người dân quan tâm và có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công dân. Tuy nhiên, Luật tiếp cận thông tin không điều chỉnh việc cung cấp thông tin của các chủ thể này.

Việc cung cấp các thông tin của các tổ chức này (trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập) được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan và theo điều lệ, quy chế của các tổ chức đó.

Ví dụ: Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và các văn bản pháp luật liên quan đã quy định trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong việc công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính... Luật phòng, chống tham nhũng cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục trong việc công khai các thông tin về tuyển sinh, thi, kiểm tra, cấp văn bằng, chứng chỉ, công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, việc thu, quản lý, sử dụng học phí, lệ phí tuyển sinh, các khoản thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, các khoản hỗ trợ, đầu tư cho giáo dục và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có thể thấy, mặc dù Luật tiếp cận thông tin không quy định việc cung cấp thông tin của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, nhưng các tổ chức này vẫn phải thực hiện việc cung cấp thông tin theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

25. Cơ quan nào chịu trách nhiệm trực tiếp cung cấp thông tin của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 9 Luật tiếp cận thông tin quy định nguyên tắc: *Cơ quan nhà nước trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin do mình tạo ra.* Tuy nhiên, khoản này của Luật cũng quy định một số cơ quan có trách nhiệm tổ chức thực

hiện việc cung cấp thông tin do các cơ quan khác tạo ra, cụ thể là:

(i) Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(ii) Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(iii) Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(iv) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(v) Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(vi) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(vii) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo ra và thông tin do mình tạo ra.

(viii) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do mình và do các

cơ quan ở cấp mình tạo ra, thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

26. Cơ quan nhà nước thực hiện những phương thức nào để công dân có thể tiếp cận thông tin?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 10 Luật tiếp cận thông tin, công dân được tiếp cận thông tin bằng hai cách thức: *một là*, tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai; *hai là*, yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Theo đó, các cơ quan nhà nước phải thực hiện hai phương thức tương ứng để công dân có thể tiếp cận thông tin, đó là công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân (khoản 4 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin).

Trình tự, thủ tục công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân được quy định cụ thể tại Chương II và Chương III Luật tiếp cận thông tin.

27. Trong tiếp cận thông tin, công dân có những quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Nhằm cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin đã được

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận, Điều 8 Luật tiếp cận thông tin quy định các quyền và nghĩa vụ của công dân trong tiếp cận thông tin, cụ thể là:

Công dân có các quyền sau: (i) được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; (ii) khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

Bên cạnh đó, công dân cũng có các nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, đó là: (i) tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; (ii) không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; và (iii) không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

28. Quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình thực thi quyền tiếp cận thông tin, có thể xảy ra trường hợp cơ quan nhà nước hoặc công chức cung cấp thông tin không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của Luật tiếp cận thông tin, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Vì vậy, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu cung cấp thông tin, Luật tiếp cận thông tin của hầu hết các nước trên thế giới đều quy định cơ chế khiếu nại, khởi kiện.

Nhằm bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật tiếp cận thông tin của nước ta cũng quy định người yêu cầu

cung cấp thông tin có quyền khiếu nại, khởi kiện các cơ quan cung cấp thông tin từ cấp Bộ trở xuống và các cơ quan đầu mối cung cấp thông tin gồm Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ.

Các trường hợp khiếu nại, khởi kiện liên quan tới việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin có thể là: người yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối cung cấp thông tin mà lý do từ chối không phù hợp với các căn cứ quy định tại Luật; thông tin được cung cấp không phải là thông tin mà người yêu cầu đề nghị; thông tin được cung cấp không đầy đủ, không chính xác nhưng không được cung cấp lại; quá thời hạn xem xét, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin mà chưa được cung cấp thông tin hoặc chưa nhận được thông báo của cơ quan được yêu cầu về lý do gia hạn; người yêu cầu phải trả chi phí tiếp cận thông tin trái với quy định của pháp luật...

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định công dân có quyền tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin (khoản 2

Điều 14). Việc khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong việc tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, khởi kiện, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính (khoản 3 Điều 14 Luật tiếp cận thông tin).

29. Luật đặt ra trách nhiệm bồi thường trong thực hiện tiếp cận thông tin là cần thiết để tăng cường trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin và cán bộ đầu mối đối với nhiệm vụ cung cấp thông tin cho công dân, là biện

pháp để công dân yêu cầu cơ quan nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm. Công dân có nghĩa vụ gì khi sử dụng thông tin đã tiếp cận?

Trả lời:

Khi nhận được thông tin đã tiếp cận, công dân phải sử dụng thông tin theo đúng lý do, mục đích khi yêu cầu. Việc kiểm soát đối với quá trình sử dụng, quản lý, lưu giữ thông tin của người yêu cầu không được pháp luật quy định cụ thể và cũng không giao cho cơ quan nhà nước nào theo dõi, đánh giá hoặc xử lý. Tuy nhiên, xuất phát từ các nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và các quy định về các hành vi bị cấm tại Luật, công dân phải bảo đảm sử dụng thông tin được cung cấp theo nhu cầu của mình, quản lý và khai thác thông tin phù hợp và không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm, như sử dụng thông tin đã tiếp cận để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực; sử dụng thông tin đã được tiếp cận nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, tổ chức. Do đó, khi công dân thực hiện một trong các hành vi vi phạm điều cấm thì sẽ bị xử lý tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.

30. Công dân có được sử dụng lại thông tin mình đã tiếp cận vào mục đích thương mại hay không?

Trả lời:

Việc sử dụng thông tin đã tiếp cận vào mục đích thương mại của công dân nếu không vi phạm một trong các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 11 Luật tiếp cận thông tin thì được chấp nhận.

Tuy nhiên, trong trường hợp khi công dân đó thực hiện quyền tiếp cận thông tin thông qua hình thức yêu cầu cung cấp thông tin mà việc sử dụng vào mục đích thương mại không đúng với mục đích yêu cầu được ghi trong Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin thì công dân đó phải chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng sai mục đích của việc yêu cầu cung cấp thông tin.

31. Công dân có phải trả phí tiếp cận thông tin không?

Trả lời:

Theo tinh thần của Luật tiếp cận thông tin là tạo thuận lợi tối đa cho công dân được tiếp cận thông tin, bao gồm cả việc Nhà nước bảo đảm mọi chi phí để công khai thông tin, chỉ yêu cầu công dân trả chi phí sao chụp thông tin đối với loại thông tin cung cấp theo yêu cầu và phải mất chi phí thực tế cho việc sao, chụp (việc sao, chụp bản điện tử không tính chi phí). Theo đó, về nguyên tắc, việc cung cấp thông tin dù theo hình

thức công khai hay cung cấp thông tin theo yêu cầu thì đều là trách nhiệm của Nhà nước nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Nhà nước cần phải bố trí đủ kinh phí và các nguồn lực cần thiết để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm cung cấp thông tin. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu không được coi là một loại dịch vụ công được tính phí, lệ phí hoặc theo nguyên tắc giá dịch vụ cho công dân.

Tuy nhiên, trong quá trình cung cấp thông tin cho công dân, có thể phát sinh các chi phí ngoài chi phí cấp thường xuyên cho hoạt động của cơ quan nhà nước, như chi phí in ấn, sao chép, chụp, gửi văn bản, hồ sơ, tài liệu qua đường bưu điện... Do đó, Luật quy định người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin (khoản 2 Điều 12). Khoản chi phí này là không đáng kể, chỉ là chi phí thực tế phát sinh từ việc in ấn, sao chụp và thanh toán phí dịch vụ qua bưu điện, không phải là khoản tiền do cơ quan nhà nước tự đặt ra để thu của người yêu cầu, cũng không phải là phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí. Chỉ trong một số trường hợp cụ thể mà luật chuyên ngành quy định việc yêu cầu cung cấp thông tin trong lĩnh vực đó phải trả phí hoặc lệ phí thì người yêu cầu mới phải thực hiện theo quy định của luật đó. Khoản 1 Điều 12 Luật tiếp cận thông tin quy định: *“Công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp luật khác có quy định”*. Tóm lại, nếu công dân yêu cầu cung cấp thông tin theo trình tự, thủ tục và phạm vi thông tin như Luật tiếp cận thông tin quy định thì sẽ không phải trả bất kỳ loại phí, lệ phí nào, nhưng nếu công dân tiếp cận thông tin theo quy định, trình tự, thủ tục tại luật khác mà luật đó có đòi hỏi phí, lệ phí đối với

thông tin đó thì công dân vẫn phải trả phí, lệ phí theo quy định.

32. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong việc tiếp cận, cung cấp thông tin?

Trả lời:

Trong việc tiếp cận thông tin luôn có hành vi của hai chủ thể là cơ quan nhà nước/công chức, viên chức làm nhiệm vụ cung cấp thông tin và cá nhân, tổ chức tiếp cận thông tin. Để phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, Luật quy định một số hành vi bị cấm đối với cả hai chủ thể nói trên.

Đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ cung cấp thông tin, hành vi bị nghiêm cấm gồm: cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại; làm giả thông tin (khoản 1 Điều 11).

Đối với cả công chức, viên chức làm nhiệm vụ cung cấp thông tin và công dân tiếp cận thông tin, Nhà nước ban hành Luật với một trong những mục đích cơ bản là tạo điều kiện cho người dân có được nguồn thông tin chính thống, phục vụ cho nhu cầu của sản xuất, kinh doanh cũng như cuộc sống của họ. Trên tinh thần này, Điều 11 của Luật quy định nghiêm cấm việc cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; kích động bạo lực (khoản 2); cung cấp, sử dụng thông tin để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân; uy tín của cơ quan, tổ chức (khoản 3).

Ngoài ra, nhằm bảo vệ công chức, viên chức khi thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin cũng như bảo vệ công dân khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, Luật quy định nghiêm cấm hành vi cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin (khoản 4 Điều 11).

33. Việc giám sát bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?

Trả lời:

Để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân được thực thi trong thực tiễn, cần có cơ chế theo dõi, giám sát việc thi hành Luật này. Trên cơ sở đó, Luật quy định cơ chế giám sát theo hai hướng: cơ chế giám sát có tính quyền lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế giám sát có tính xã hội của các thiết chế xã hội khác.

Về cơ chế giám sát có tính quyền lực của cơ quan nhà nước, Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền giám sát tối cao đối với việc thực thi Luật này. Để thực hiện chức năng giám sát tối cao, hằng năm Quốc hội xem xét báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trong phạm vi cả nước. Ở cấp độ địa phương, Hội đồng nhân dân là cơ quan có thẩm quyền giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức ở địa phương định kỳ 6 tháng và hằng năm; xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp về tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong phạm vi địa phương. Phương thức giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân đối với việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận

thông tin được thực hiện theo quy định tại Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Bên cạnh các thiết chế giám sát mang tính quyền lực như đã nói ở trên, Luật còn quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm giám sát xã hội việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (khoản 3 Điều 13). Việc giám sát này được thực hiện thông qua các hình thức như: nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tổ chức đoàn giám sát; thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Việc giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên được thực hiện theo quy định tại Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phần 4

CÔNG KHAI THÔNG TIN

34. Những thông tin nào cơ quan nhà nước phải chủ động công khai rộng rãi để công dân tiếp cận?

Trả lời:

Những thông tin cơ quan nhà nước phải chủ động công khai rộng rãi để công dân tiếp cận được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật tiếp cận thông tin, bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

- Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

- Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

- Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

- Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

- Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

- Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

- Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

- Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

- Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định của Luật tiếp cận thông tin; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

- Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

- Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

- Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Các thông tin nêu trên hầu hết là những thông tin đã được các văn bản quy phạm pháp luật (các đạo luật) chuyên ngành quy định phải được công khai. Luật tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải công khai các loại thông tin nêu trên để tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin nhằm phục vụ cho nhu cầu trong cuộc sống của công dân, trong đời sống sinh hoạt, sản xuất... Đồng thời, việc công khai thông tin một cách chủ động và tích cực từ phía các cơ quan nhà nước tạo ra thông tin, nắm giữ thông tin sẽ làm giảm gánh nặng hành chính của các cơ quan nhà nước trong việc xử lý các Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin cũng như trong việc trả lời những câu hỏi và yêu cầu thông thường của công dân do thiếu thông tin, thiếu hiểu biết về hoạt động của các cơ quan nhà nước. Kinh nghiệm các nước cho thấy, khi các thông tin được công khai rộng rãi càng nhiều thì số lượng các yêu cầu tiếp cận thông tin của công dân sẽ càng giảm đi.

35. Trong trường hợp thông tin không thuộc loại thông tin phải được công khai mà cơ quan nhà nước nhận thấy việc công khai thông tin là cần thiết thì cơ quan nhà nước có thể công khai hay không?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 17 Luật tiếp cận thông tin quy định: ngoài thông tin cơ quan nhà nước phải công khai đã được liệt kê trong Luật, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước *chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ*. Quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động công khai các thông tin, từ đó sẽ giảm tải việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, giảm chi phí hành chính cũng như chi phí tiếp cận thông tin cho người dân.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin quy định: trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin.

Như vậy, trong trường hợp thông tin không thuộc loại thông tin phải được công khai mà cơ quan nhà nước nhận thấy việc công khai thông tin là cần thiết thì cơ quan nhà nước có thể công khai thông tin đó theo các quy định nêu trên.

36. Trường hợp thông tin phải được công khai rộng rãi có liên quan đến nhiều cơ quan thì cơ quan nào có trách nhiệm công khai thông tin?

Trả lời:

Điều 9 Luật tiếp cận thông tin đã quy định rõ phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước. Cụ thể, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin (trừ Ủy ban nhân dân cấp xã).

Như vậy, theo quy định nêu trên, trong trường hợp thông tin có liên quan đến nhiều cơ quan thì cần xác định cơ quan nào là cơ quan tạo ra thông tin và cơ quan đó có trách nhiệm công khai thông tin rộng rãi theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin quy định: *“Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản”*. Theo đó, có thể căn cứ vào quy định trên để xác định cơ quan tạo ra thông tin là cơ quan ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản đối với thông tin đó.

Bên cạnh đó, việc công khai thông tin còn phải căn cứ vào quy định của pháp luật trong từng lĩnh vực. Trường hợp pháp luật có quy định các cơ quan liên quan đều có trách nhiệm công khai thông tin thì ngoài cơ quan tạo ra thông tin, những cơ quan có liên quan cũng có trách nhiệm công khai thông tin rộng rãi.

37. “Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” không đáp ứng định nghĩa về “thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra”, nhưng vẫn phải được công khai rộng rãi. Tại sao?

Trả lời:

Một trong những loại thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 Luật tiếp cận thông tin là “*Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật*” (điểm c khoản 1).

Hiện nay, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có nhiều quy định liên quan đến việc công khai dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ như: đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội thì trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan; đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày, trừ những văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý (khoản 1 Điều 57 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Tương tự, cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị định cũng có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ

trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo và đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo (điểm c khoản 2 Điều 90 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật)...

Như vậy, có thể thấy tuy dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không đáp ứng được định nghĩa về “thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra” (là văn bản chính thức, được ký, đóng dấu hoặc xác nhận của người có thẩm quyền) nhưng cần phải được công khai trong các trường hợp nhất định theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản tham gia đóng góp ý kiến ngay trong quá trình soạn thảo, góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cũng như bảo đảm tính khả thi, tính đồng thuận với các quy định của văn bản sau khi được ban hành. Đây là ngoại lệ duy nhất của phạm vi thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tiếp cận thông tin, là thông tin đã được tạo ra, thông tin chính thống.

38. Luật tiếp cận thông tin quy định về thời điểm công khai thông tin như thế nào?

Trả lời:

Thời điểm công khai thông tin được quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật tiếp cận thông tin. Theo đó, thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Quy định trên cũng xuất phát từ nguyên tắc Luật tiếp cận thông tin áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân, trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với quy định tại Điều 3 của Luật tiếp cận thông tin thì được thực hiện theo quy định của luật đó. Quy định trên của Luật nhằm bảo đảm tính phù hợp, thống nhất giữa quy định của Luật tiếp cận thông tin với các văn bản quy phạm pháp luật khác, cũng như phù hợp với từng loại thông tin trong từng lĩnh vực. Về thực tiễn, trước khi Luật tiếp cận thông tin được ban hành, hệ thống pháp luật đã có nhiều văn bản quy định về việc công khai thông tin, trong đó quy định cụ thể thời điểm công khai thông tin. Do đó, thời điểm công khai các loại thông tin này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành. Ví dụ: theo điểm a khoản 3 Điều 48 Luật đất đai năm 2013, việc công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất “*được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt*”; theo khoản 1 Điều 80 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, “*Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua*”...

Bên cạnh đó, Luật tiếp cận thông tin cũng có quy định điều chỉnh trong trường hợp pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin. Khoản 4 Điều 18 của Luật quy định: “*trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin*”.

39. Các hình thức công khai thông tin rộng rãi? Có nên áp dụng đồng thời các hình thức không?

Trả lời:

Để tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và để có căn cứ cho cơ quan nhà nước thực hiện trách nhiệm công khai thông tin, bên cạnh việc quy định các loại thông tin cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai, Luật tiếp cận thông tin còn quy định các hình thức công khai thông tin (khoản 1 Điều 18), bao gồm:

- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;
- Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;
- Đăng Công báo;
- Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;
- Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật tiếp cận thông tin, trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số

hình thức công khai thông tin quy định tại Luật tiếp cận thông tin bảo đảm đề công dân tiếp cận được thông tin.

Bên cạnh đó, trong quá trình công khai thông tin, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin căn cứ vào đối tượng tiếp cận, nội dung thông tin và điều kiện thực tiễn của cơ quan cũng như đặc điểm ở địa phương để quyết định hình thức công khai thông tin cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí mà không áp dụng đồng thời tất cả các hình thức công khai thông tin nêu trên.

40. Cơ quan nhà nước phải công khai những thông tin nào trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử?

Trả lời:

Những thông tin mà cơ quan nhà nước phải công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử được quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật tiếp cận thông tin, bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

- Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy

hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

- Thông tin về danh mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, các nguồn vốn vay;

- Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước, người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

- Báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

- Danh mục thông tin phải được công khai, trong đó phải nêu rõ địa chỉ, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai đối với từng loại thông tin;

- Các thông tin nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

- Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải đăng trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử.

Ngoài các thông tin nêu trên, theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Luật tiếp cận thông tin, căn cứ vào điều kiện thực tế,

cơ quan nhà nước chủ động đăng tải *thông tin khác do mình tạo ra* trên trang thông tin điện tử, công thông tin điện tử.

41. Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có công thông tin điện tử và trang thông tin điện tử thì công khai thông tin bằng hình thức nào?

Trả lời:

Trên thực tế tình hình xây dựng và vận hành công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử có sự khác biệt rất lớn giữa các cơ quan nhà nước ở các cấp khác nhau. Chính vì vậy, Luật tiếp cận thông tin có những quy định riêng để áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể. Theo đó, việc công khai thông tin trên công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 2 Điều 19). Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có công thông tin điện tử và trang thông tin điện tử thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai thông tin bằng hình thức thích hợp khác (khoản 6 Điều 19).

42. Cơ quan nhà nước có được phép quyết định việc công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng hay không? Việc công khai thông tin trên báo chí được thực hiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin hay Luật báo chí?

Trả lời:

Công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng là một trong những hình thức công khai thông tin được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Luật tiếp cận thông tin,

Khoản 1 Điều 20 của Luật quy định cụ thể việc công khai thông tin đối với hình thức này như sau: cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng những thông tin theo quy định của pháp luật phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Theo quy định tại khoản 2 Điều này, việc đăng, phát thông tin trên báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí. Khi đăng, phát thông tin, cơ quan thông tin đại chúng phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin.

43. Trong trường hợp nào thì cơ quan nhà nước phải công khai thông tin bằng hình thức niêm yết?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 21 Luật tiếp cận thông tin, việc công khai thông tin bằng hình thức niêm yết được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chẳng hạn, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc niêm yết văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Luật phòng, chống tham nhũng và Luật đất đai quy định về việc niêm yết thông báo thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh... Do vậy, trong quá trình thực hiện công khai thông tin, cơ quan nhà nước có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong trường hợp pháp luật có

quy định cụ thể thông tin phải được công khai bằng hình thức niêm yết thì cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm tuân thủ quy định này.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính bao quát và có quy định pháp luật điều chỉnh trong mọi trường hợp, khoản 2 Điều 21 Luật tiếp cận thông tin quy định đối với những thông tin được công khai bằng hình thức niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể về địa điểm, thời hạn niêm yết thì phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc địa điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời hạn ít nhất là 30 ngày.

44. Cơ quan nhà nước có được phép căn cứ vào điều kiện thực tế để công khai thông tin thông qua các hình thức khác mà không trái với quy định của Luật tiếp cận thông tin và các luật khác hay không?

Trả lời:

Ngoài các hình thức công khai thông tin được quy định cụ thể, điểm e khoản 1 Điều 18 Luật tiếp cận thông tin quy định “*các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định*”. Như vậy, cơ quan nhà nước được phép căn cứ vào điều kiện thực tế để công khai thông tin thông qua các hình thức khác thuận lợi cho công dân.

Đồng thời, khoản 2 Điều này cũng quy định: “*Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước*

có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin”. Như vậy, khi pháp luật không có quy định cụ thể hình thức công khai thông tin, thì cơ quan nhà nước căn cứ vào điều kiện thực tế để lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin tại khoản 1 Điều 18 (như đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng Công báo, niêm yết tại trụ sở...) để công dân tiếp cận được thông tin.

45. Trường hợp phát hiện thông tin công khai không chính xác thì phải xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 22 Luật tiếp cận thông tin quy định cụ thể việc xử lý các trường hợp thông tin công khai không chính xác, cụ thể như sau:

- Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra và đã được công khai không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp phát hiện thông tin do cơ quan khác tạo ra nhưng do mình công khai không chính xác thì cơ quan đã công khai thông tin có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra nhưng được cơ quan khác công khai không chính xác thì cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã công khai

thông tin kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp công dân cho rằng thông tin công khai không chính xác thì kiến nghị với cơ quan đã công khai thông tin đó. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan đó có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của thông tin và trả lời cho công dân; trường hợp xác định thông tin công khai không chính xác thì phải kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó.

Phần 5

CUNG CẤP THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

46. Những thông tin nào được cung cấp thông tin theo yêu cầu?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 23 Luật tiếp cận thông tin, những thông tin được cung cấp theo yêu cầu gồm:

Một là, những thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật này, nhưng thuộc trường hợp: (i) thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai; (ii) thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật; (iii) thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được. Về cơ bản, đây là những thông tin liên quan đến nhiều người, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước thuộc loại thông tin phải được công khai nhưng vì lý do khách quan hoặc chủ quan mà người yêu cầu cung cấp thông tin chưa tiếp cận được. Do vậy, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Hai là, thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp theo quy định tại Điều 7 của Luật tiếp cận thông tin. Đối với các loại thông tin này, người yêu cầu cung cấp thông tin phải có văn bản chấp thuận của cá nhân/tổ chức là chủ sở hữu bí mật kinh doanh, của cá nhân đối với thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, hoặc là

thành viên của gia đình có thông tin liên quan đến bí mật gia đình.

Ba là, thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 23 của Luật tiếp cận thông tin như đã đề cập trên. Như vậy, ngoài các thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện, thì công dân có quyền yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của mình.

Ngoài các thông tin quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 23 Luật tiếp cận thông tin mà công dân được yêu cầu cung cấp, theo quy định tại khoản 4 Điều 23 của Luật này, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và khả năng thực tế của mình, cơ quan nhà nước có thể cung cấp thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ. Đây là quyền chủ động của cơ quan nhà nước trong trường hợp xét thấy khả năng thực tế của mình có thể cung cấp nhiều hơn các thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ mà vẫn bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan và việc cung cấp thông tin là có lợi cho người dân thì cơ quan nhà nước có thể mở rộng phạm vi thông tin được cung cấp theo yêu cầu.

Các quy định của Luật về phạm vi thông tin cung cấp theo yêu cầu mới dừng lại ở mức liệt kê một số loại thông tin

mang tính phổ biến mà chưa bao quát tất cả các loại thông tin công dân được quyền yêu cầu. Ngoài quy định của Luật tiếp cận thông tin, công dân còn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, khi cần tiếp cận thông tin trong một lĩnh vực cụ thể, người dân nên bắt đầu từ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để nghiên cứu xem mình có thể yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo quy định của văn bản đó hay không. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật không có quy định về việc công dân được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin thì thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin.

47. Các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin?

Trả lời:

Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin là cách thức biểu hiện yêu cầu cung cấp thông tin của công dân đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, khoản 1 Điều 24 Luật tiếp cận thông tin quy định 02 hình thức yêu cầu cung cấp thông tin gồm: (i) Trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin; (ii) Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.

Luật quy định công dân có thể gửi yêu cầu cung cấp thông tin bằng cách trực tiếp đến trụ sở cơ quan hoặc gửi qua

đường bưu điện, mạng điện tử, fax nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân trong việc yêu cầu tiếp cận thông tin.

Để bảo đảm tính chính xác, rõ ràng của yêu cầu cung cấp thông tin, thuận lợi cho hoạt động cung cấp thông tin, Luật yêu cầu cả 02 hình thức này đều phải bằng văn bản mà cụ thể là Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin theo mẫu có sẵn. Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin đến trực tiếp trụ sở cơ quan nhà nước để yêu cầu cung cấp thông tin thì người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không biết chữ hoặc bị khuyết tật không thể viết yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm giúp điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm bố trí cán bộ hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc tiếp cận thông tin.

48. Ngôn ngữ và nội dung Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin được quy định như thế nào?

Trả lời:

Để bảo đảm tính chính xác, cụ thể, rõ ràng của yêu cầu cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc xác minh, tập hợp thông tin và cung cấp thông tin, khoản 2 Điều 24 Luật tiếp cận thông tin quy định cụ thể về Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Theo đó, Phiếu yêu

cầu cung cấp thông tin phải được thể hiện bằng tiếng Việt, là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam.

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin gồm các nội dung chính sau đây:

(i) Họ, tên; nơi cư trú, địa chỉ; số chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người yêu cầu; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có);

(ii) Thông tin được yêu cầu cung cấp, trong đó chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu;

(iii) Hình thức cung cấp thông tin;

(iv) Lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin.

Để có thể cung cấp thông tin theo yêu cầu thì cơ quan tạo ra thông tin cần phải biết chính xác thông tin mà người yêu cầu muốn được cung cấp là thông tin nào. Do đó, trong Phiếu yêu cầu phải nêu rõ thông tin mà người yêu cầu muốn được cung cấp, chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu. Việc mô tả càng rõ thì quá trình tìm kiếm thông tin càng nhanh và do đó, thời gian cung cấp thông tin có thể được rút ngắn lại. Ngược lại, nếu không nêu, mô tả rõ được thông tin cần được cung cấp thì cơ quan nắm giữ thông tin sẽ gặp khó khăn trong việc xác định và thực hiện được việc cung cấp thông tin. Đồng thời, người yêu cầu phải nêu cách thức mà mình mong muốn nhận được thông tin (ví dụ: nhận trực tiếp, nhận qua email, đường bưu điện, fax), làm cơ sở để cơ quan cung cấp thông tin xem xét, cung cấp cho phù hợp, thuận lợi cho người dân.

Trong Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, người yêu cầu cũng phải nêu lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin. Về nguyên tắc, người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm

sử dụng thông tin một cách hợp pháp; nghiêm cấm việc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

49. Có những loại mẫu phiếu nào cần biết khi thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật tiếp cận thông tin, Chính phủ quy định mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

Bên cạnh đó, để bảo đảm thống nhất trong quá trình thi hành Luật tiếp cận thông tin, dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin đã quy định các mẫu Phiếu áp dụng trong quá trình cung cấp thông tin, cụ thể:

Mẫu số 01a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

(Dành cho công dân)

Kính gửi:

1. Họ, tên cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin:.....

2. Người đại diện/Người giám hộ⁴:.....

3. Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....
cấp ngày/...../..... tại

4. Nơi cư trú⁵:.....

5. Số điện thoại⁶; Fax; E-mail:

6. Tên văn bản/hồ sơ/tài liệu yêu cầu cung cấp:.....

7. Mục đích yêu cầu cung cấp thông tin:.....

8. Yêu cầu cung cấp thông tin này lần thứ:

a) Lần đầu b) Khác:..... (ghi rõ số lần đã yêu cầu
cung cấp thông tin có nội dung nêu trên)

9. Số lượng bản in, sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu:.....

⁴ Theo quy định của Bộ luật dân sự về người đại diện, người giám hộ đối với người yêu cầu cung cấp thông tin là người chưa thành niên, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi...

⁵ Ghi nơi cư trú của người đại diện/người giám hộ.

⁶ Ghi số điện thoại, fax, email của người đại diện/giám hộ.

10. Phương thức nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu:

Nhận tại nơi yêu cầu cung cấp thông tin

Nhận qua bưu điện (ghi rõ địa chỉ nhận):.....

Fax (ghi rõ số fax):.....

Nhận qua mạng điện tử (ghi rõ địa chỉ nhận):.....

Hình thức khác (ghi rõ):.....

11. Văn bản kèm theo (trong trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện):.....

NGƯỜI YÊU CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

*(Dành cho công dân yêu cầu cung cấp thông tin
thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)*

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, đoàn thể, doanh
nghiệp:.....

.....

2. Người đại diện của tổ chức, đoàn thể, doanh
nghiệp⁷:.....

3. Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ
chiếu.....cấp ngày/...../..... tại

.....

4. Địa chỉ trụ sở của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp:

.....

.....

5. Số điện thoại⁸; Fax; E-mail:

.....

6. Tên văn bản/hồ sơ/tài liệu yêu cầu cung

⁷ Theo quy định của Bộ luật dân sự về người đại diện của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

⁸ Ghi số điện thoại, fax, email của người đại diện yêu cầu cung cấp thông tin.

Nơi cư trú:

Số điện thoại:..... Fax:.....Email:.....

Yêu cầu cung cấp văn bản/hồ sơ/tài liệu:.....

Hình thức cung cấp thông

tin:.....

Văn bản kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin
gồm¹³:

1.....

2.....

3.....

.....

Vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu, Quyển
số:.../năm Số thứ tự.....

NGƯỜI TIẾP NHẬN PHIẾU

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹³ Là những văn bản kèm theo trong trường hợp cung cấp thông tin có điều kiện.

Mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI¹⁴ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /..... , ngày tháng năm.....

PHIẾU GIẢI QUYẾT
YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:

Tên cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin:.....

Nhận được đề nghị của
Ông/Bà¹⁵:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
cấp ngày/...../..... tại

¹⁴ Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin phân công đơn vị đầu mối.

¹⁵ Tên của người đại diện trong trường hợp cung cấp thông tin cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

Nơi cư trú:

.....

Số điện thoại: Fax.....

Email:.....

Yêu cầu cung cấp văn bản/hồ sơ/tài liệu:.....

.....

Cơ quan/Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin thông báo về việc cung cấp thông tin do Ông/Bà yêu cầu như sau:

Hình thức cung cấp thông tin:.....

Địa điểm cung cấp thông tin (trong trường hợp cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin):.....

Chi phí cung cấp thông tin (nếu có):.....

Phương thức thanh toán (nếu có):.....

Thời hạn thanh toán (nếu có):.....

Ngày cung cấp thông tin:.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI
CUNG CẤP THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin¹⁶)

¹⁶ Trường hợp đơn vị đầu mối cung cấp thông tin không có con dấu riêng thì sử dụng con dấu của cơ quan cung cấp thông tin.

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI¹⁷ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:..... /....., ngày tháng năm.....

**THÔNG BÁO
GIA HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi:.....

Tên cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin:.....

Nhận được Phiếu yêu cầu của Ông/Bà¹⁸:.....

¹⁷ Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin phân công đơn vị đầu mối.

¹⁸ Tên của người đại diện trong trường hợp cung cấp thông tin cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
cấp ngày...../...../... tại
.....

Nơi cư trú:.....

Số điện thoại: Fax.....
Email:.....

Yêu cầu cung cấp văn bản/hồ sơ/tài liệu:.....

Ngày/tháng/năm nhận Phiếu yêu cầu:

Cơ quan/Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin thông báo về
việc gia hạn cung cấp thông tin do Ông/Bà yêu cầu vì lý
do.....
.....

Thời gian gia hạn cung cấp thông tin:.....

Thời gian cung cấp thông tin sau khi gia
hạn:.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI
CUNG CẤP THÔNG TIN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp
thông tin¹⁹)*

¹⁹ Trường hợp đơn vị đầu mối cung cấp thông tin không có con dấu riêng thì sử dụng con dấu của cơ quan cung cấp thông tin.

Mẫu số

05

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI²⁰

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày tháng..... năm.....

THÔNG BÁO TỪ CHỐI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:.....

Tên cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông
tin:.....

Nhận được Phiếu yêu cầu của Ông/Bà²¹:.....

²⁰ Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin phân công đơn vị đầu mối.

Mẫu số 06

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN CHẤP THUẬN²³

Tên tôi là:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu

cấp ngày/...../..... tại

Nơi

cư

trú:.....

²³ Dành cho trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện theo quy định tại Điều 7 Luật tiếp cận thông tin.

Số điện thoại:

Fax.....

Email:.....

Là chủ sở hữu bí mật kinh doanh/Là chủ sở hữu thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân/Là thành viên của gia đình có thông tin liên quan tại văn bản/hồ sơ/tài

liệu:.....

Đồng ý để Ông/Bà:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu

cấp ngày...../...../..... tại

Nơi

cư

trú:

.....

Số điện thoại:

Email:.....

Được tiếp cận thông tin tại văn bản/hồ sơ/tài liệu nêu trên.

**XÁC NHẬN CỦA UBND
CẤP XÃ**

*(Xác nhận chữ ký của người
chấp thuận)*

NGƯỜI CHẤP THUẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Trường hợp văn bản chấp thuận của tổ chức, doanh nghiệp thì người đại diện ký, đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp đó mà không cần xác nhận của UBND cấp xã.

2. Cơ quan cung cấp thông tin có thể tách thành 03 mẫu văn bản chấp thuận tương ứng với từng trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện.

50. Trường hợp công dân yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến thông tin cá nhân của chính công dân thì có điều kiện gì không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật tiếp cận thông tin, công dân được tiếp cận các thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý. Việc đồng ý phải thể hiện thành văn bản chấp thuận.

Trong trường hợp công dân yêu cầu cung cấp thông tin về chính họ thì không cần cung cấp văn bản chấp thuận. Tuy nhiên, công dân phải cung cấp các bằng chứng chứng minh nhân thân của mình như: Giấy chứng minh thư, Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu của bản thân làm căn cứ để cơ quan nhà nước xác nhận và cung cấp thông tin theo yêu cầu. Đồng thời, khi điền Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin cần nêu rõ lý do cần cung cấp thông tin (ví dụ: để kiểm tra tính chính xác và đính chính thông tin trong trường hợp chưa chính xác...).

51. Trong trường hợp công dân yêu cầu cung cấp nhiều thông tin khác nhau thì họ phải gửi nhiều Phiếu yêu cầu hay chỉ cần một Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 24 Luật tiếp cận thông tin, người yêu cầu cung cấp thông tin có thể trực tiếp đến trụ sở của cơ quan nhà nước hoặc gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin. Tại Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, người yêu cầu phải nêu cụ thể thông tin được yêu cầu cung cấp, trong đó chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu.

Như vậy, trong trường hợp công dân yêu cầu cung cấp nhiều thông tin khác nhau đến cùng một cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thì họ chỉ cần gửi một Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, trong đó nêu cụ thể tên các thông tin (tên văn bản, hồ sơ, tài liệu) mà mình yêu cầu. Trong trường hợp này, nếu một trong số các thông tin mà công dân yêu cầu cung cấp là thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện thì người yêu cầu cung cấp phải có văn bản chấp thuận của cá nhân/tổ chức sở hữu các thông tin nói trên kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

Trường hợp công dân yêu cầu cung cấp nhiều thông tin khác nhau, tuy nhiên, các thông tin này lại thuộc trách nhiệm cung cấp của các cơ quan khác nhau thì người yêu cầu cần gửi các Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin đến các cơ quan tương ứng với thẩm quyền cung cấp các thông tin đó.

52. Công dân có được gửi cùng lúc nhiều yêu cầu cung cấp thông tin khác nhau đến một cơ quan nhà nước cụ thể hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật tiếp cận thông tin, công dân là chủ thể của quyền tiếp cận thông tin và thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật này. Điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật quy định công dân có quyền được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Do vậy, trường hợp công dân có nhu cầu cung cấp thông tin và gửi cùng lúc nhiều yêu cầu cung cấp thông tin khác nhau đến một cơ quan nhà nước cụ thể, Luật không cấm hành vi này và cơ quan nhà nước có trách nhiệm xử lý yêu cầu cung cấp thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, để tiết kiệm chi phí cho công dân trong việc điền và gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc tiếp nhận và xử lý phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, tiết kiệm thời gian và chi phí hành chính, trong trường hợp công dân có nhu cầu yêu cầu cung cấp nhiều thông tin khác nhau đối với cùng một cơ quan nhà nước thì công dân có thể gửi một Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, trong đó thể hiện cụ thể tên của các thông tin mà mình yêu cầu kèm theo các văn bản chấp thuận (trong trường hợp Luật tiếp cận thông tin yêu cầu). Trên cơ sở đó, cơ quan nhà nước sẽ tiếp nhận, xử lý Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin và tiến hành cung cấp các thông tin được yêu cầu cho công dân theo quy định của pháp luật.

53. Khi nào thì phải thanh toán chi phí tiếp cận thông tin? Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thì cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin xử lý như thế nào? Nếu một người trước đó đã có yêu cầu cung cấp thông tin mà không trả phí thì có coi đó là căn cứ để từ chối yêu cầu sau của họ hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 12 Luật tiếp cận thông tin, người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin. Đồng thời, điểm e khoản 1 Điều 28 Luật này cũng quy định, cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax. Như vậy, trong trường hợp việc cung cấp thông tin theo yêu cầu làm phát sinh các chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin thì người yêu cầu phải thanh toán các chi phí này trước khi được cung cấp thông tin. Trong trường hợp này, nếu người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí tiếp cận thông tin thì cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin có quyền ra văn bản từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Tuy nhiên, đối với các trường hợp việc cung cấp thông tin không làm phát sinh chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin (như cung cấp thông tin qua mạng điện tử; cung cấp thông tin thông qua việc trực tiếp đọc, nghe, xem, ghi chép thông tin tại trụ sở cơ quan hoặc trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ

thuật khác của cá nhân để sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu) thì người yêu cầu cung cấp thông tin không phải thanh toán chi phí tiếp cận thông tin.

Điều 27 Luật tiếp cận thông tin quy định: *“Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán; thực hiện việc cung cấp thông tin theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương này”*. Như vậy, ngay sau khi nhận được Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, căn cứ vào tính chất, khối lượng của thông tin (số lượng văn bản, hồ sơ, tài liệu), hình thức cung cấp thông tin (gửi trực tiếp, qua mạng điện tử hoặc dịch vụ bưu chính, fax) mà cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin ra thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán. Tại thông báo này, cơ quan cung cấp thông tin xác định cụ thể chi phí tiếp cận thông tin, cách thức thanh toán chi phí tiếp cận thông tin.

Ngay sau khi nhận được thông báo của cơ quan nhà nước về chi phí tiếp cận thông tin, người yêu cầu cung cấp thông tin phải thanh toán đầy đủ chi phí tiếp cận thông tin đã được thông báo bằng cách thức phù hợp. Việc hoàn tất thanh toán chi phí tiếp cận thông tin sẽ là cơ sở để cơ quan nhà nước tiến hành cung cấp thông tin theo yêu cầu theo trình tự, thủ tục Luật định.

Đối với các trường hợp không phát sinh chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể cung cấp ngay thông tin cho người yêu cầu mà không phải ra thông báo theo quy định tại Điều 27 Luật tiếp cận thông tin đối với các thông tin đơn giản, có sẵn; hoặc ra thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin, trong đó nêu rõ không có chi phí tiếp cận thông tin đối với các thông tin chưa thể cung cấp được ngay.

Điều 28 Luật tiếp cận thông tin quy định các trường hợp từ chối cung cấp thông tin. Nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều này thì cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu mà không được từ chối cung cấp thông tin. Trong trường hợp cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin do người yêu cầu không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax, thì lý do từ chối này chỉ được áp dụng cho chính lần yêu cầu cung cấp thông tin mà công dân không thanh toán chi phí tiếp cận thông tin mà không áp dụng cho các lần yêu cầu cung cấp thông tin sau đó. Như vậy, nếu một người trước đó đã có yêu cầu cung cấp thông tin mà không trả chi phí thì không phải là căn cứ để cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của họ ở những lần sau đó.

54. Việc rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 5 Luật tiếp cận thông tin, công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này.

Để bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật tiếp cận thông tin về phạm vi thông tin được cung cấp, bảo đảm quy trình cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, Luật tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin phải rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp (điểm e khoản 1 Điều 34). Đây được xác định là một trong những biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Cụ thể hóa nội dung này, dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin được xây dựng theo hướng quy định cụ thể:

“1. Đơn vị chủ trì tạo ra thông tin của cơ quan cung cấp thông tin rà soát, kiểm tra, xác định nội dung thông tin trong văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật tiếp cận thông tin trước khi chuyển cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin.

2. Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan cung cấp thông tin kiểm tra, loại bỏ các nội dung thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trước khi cung cấp”.

Như vậy, ngay sau khi tạo ra thông tin, đơn vị chủ trì tạo ra thông tin có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, xác định nội dung thông tin trong văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện theo

quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật tiếp cận thông tin trước khi chuyển cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin. Căn cứ vào kết quả rà soát, kiểm tra của đơn vị chủ trì tạo ra thông tin, đơn vị đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm xác định thông tin được yêu cầu cung cấp có thuộc trường hợp được cung cấp theo quy định của Luật hay không; trường hợp thông tin thuộc đối tượng được cung cấp theo yêu cầu thì đơn vị đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm loại bỏ các nội dung thông tin không được tiếp cận hoặc tiếp cận có điều kiện (nếu không đủ điều kiện tiếp cận) ra khỏi văn bản, hồ sơ, tài liệu trước khi cung cấp cho công dân.

Trên cơ sở quy định của Luật tiếp cận thông tin và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm quy định cụ thể quy trình rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp thông tin của cơ quan mình tại Quy chế cung cấp thông tin nội bộ của từng cơ quan, trong đó xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị, chủ thể trong quy trình này.

55. Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo yêu cầu thông qua các hình thức nào?

Trả lời:

Điều 25 Luật tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo yêu cầu thông qua 02 hình thức: (i) Trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin; (ii) Qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax.

Như vậy, Luật tiếp cận thông tin quy định khá đa dạng các hình thức cung cấp thông tin, bao gồm các hình thức cung cấp thông tin truyền thống như cung cấp thông tin trực tiếp, cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính và các hình thức cung cấp thông tin có ứng dụng khoa học công nghệ như cung cấp thông tin qua mạng điện tử, fax. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, phù hợp với điều kiện của công dân và tiết kiệm chi phí cho cả người dân và cơ quan nhà nước.

56. Cơ quan nhà nước có phải cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị trong mọi trường hợp không?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 25 Luật tiếp cận thông tin quy định: “*Cơ quan nhà nước được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp và khả năng của cơ quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”.

Như vậy, về cơ bản, trên cơ sở tính chất của thông tin, khối lượng thông tin và khả năng đáp ứng của cơ quan nhà nước, cơ quan cung cấp thông tin xem xét để cung cấp thông tin cho người yêu cầu theo hình thức mà họ đề nghị (thể hiện tại Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin). Tuy nhiên, cơ quan nhà nước không có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị trong mọi trường hợp.

Trong trường hợp cơ quan cung cấp thông tin không có khả năng cung cấp bằng hình thức do người yêu cầu đề nghị

(ví dụ: Thông tin được yêu cầu không phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và không thể truyền tải qua mạng điện tử thì không thể cung cấp qua hình thức mạng điện tử) hoặc là pháp luật quy định phải cung cấp theo một hình thức khác thì cơ quan cung cấp thông tin lựa chọn hình thức cung cấp thông tin thích hợp để cung cấp cho người yêu cầu mà không phải cung cấp dưới hình thức theo yêu cầu của người dân.

57. Có trường hợp nào cơ quan nhà nước phải trực tiếp lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan trước khi cung cấp thông tin hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại các Điều 29, 30 và 31 Luật tiếp cận thông tin, đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, Luật quy định thời hạn cung cấp thông tin dài hơn (cụ thể là 10 ngày làm việc đối với cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin, 15 ngày làm việc đối với cung cấp thông tin qua mạng điện tử, 15 ngày làm việc đối với cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax) để cơ quan đầu mối cung cấp thông tin có thời gian tập hợp thông tin từ các bộ phận khác hoặc tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan trước khi cung cấp thông tin.

Để bảo đảm việc cung cấp thông tin chính xác, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và bảo đảm lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác, ngoài việc quy định thời hạn cung cấp thông tin dài hơn để lấy

ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan trước khi cung cấp thông tin, đối với các trường hợp thông tin phức tạp, cơ quan cung cấp thông tin có thể xem xét để gia hạn việc cung cấp thông tin và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

58. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện như thế nào? Trong trường hợp cơ quan nhận được yêu cầu cung cấp thông tin không do mình tạo ra hoặc nắm giữ nhưng biết rõ cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ thông tin đó thì có thể chuyển yêu cầu sang cơ quan nhà nước đó hay không?

Trả lời:

Điều 26 Luật tiếp cận thông tin quy định về việc tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân, cụ thể như sau:

(i) Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu. Việc vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu nhằm mục đích theo dõi, kiểm tra và thống kê công tác cung cấp thông tin theo yêu cầu.

(ii) Trường hợp Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin chưa đầy đủ, chưa rõ ràng các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật tiếp cận thông tin, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu bổ sung. Hướng dẫn bổ sung thông tin có thể được tiến hành dưới nhiều hình thức như hướng dẫn trực tiếp, hướng dẫn qua

mạng điện tử... phù hợp với điều kiện thực tế của người yêu cầu cung cấp thông tin.

(iii) Trường hợp thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp thì cơ quan nhận được yêu cầu phải thông báo và hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Như vậy, trong trường hợp cơ quan nhận được yêu cầu cung cấp thông tin không do mình tạo ra hoặc nắm giữ, không thuộc trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan mình nhưng biết rõ cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ thông tin đó thì cán bộ tiếp nhận Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin để yêu cầu cung cấp.

59. Cơ quan nhà nước giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin như thế nào?

Trả lời:

Điều 27 Luật tiếp cận thông tin quy định về giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, cụ thể như sau: Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán; thực hiện việc cung cấp thông tin theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương III Luật tiếp cận thông tin. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin quy định cụ thể mẫu Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin.

Như vậy, ngay sau khi nhận được Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, căn cứ vào tính chất, khối lượng của thông tin (số lượng văn bản, hồ sơ, tài liệu), hình thức cung cấp thông tin (gửi trực tiếp, qua mạng điện tử hoặc dịch vụ bưu chính, fax) mà cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin gửi Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin tới người yêu cầu cung cấp thông tin để thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán.

Đối với các trường hợp không phát sinh chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể cung cấp ngay thông tin cho người yêu cầu mà không phải ra thông báo theo quy định tại Điều 27 Luật tiếp cận thông tin đối với các thông tin đơn giản, có sẵn; hoặc gửi Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, trong đó nêu rõ không có chi phí tiếp cận thông tin đối với các thông tin chưa thể cung cấp được ngay.

Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin được Thủ trưởng đơn vị đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin ký, được đóng dấu của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; trường hợp đơn vị đầu mối cung cấp thông tin không có con dấu riêng thì sử dụng con dấu của cơ quan cung cấp thông tin.

60. Cơ quan nhà nước được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Về nguyên tắc, Nhà nước bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, nhưng quyền này cũng là một quyền có giới hạn. Khoản 3 Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966

quy định: Việc thực hiện quyền tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt và do đó có thể dẫn tới một số hạn chế nhất định do pháp luật quy định. Những giới hạn đó là: (i) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác; (ii) bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng. Trong hầu hết các luật tiếp cận thông tin của các quốc gia đều có những quy định về hạn chế tiếp cận các thông tin, tài liệu mật liên quan đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, thông tin cá nhân... và coi những thông tin này thuộc trường hợp ngoại lệ - không thuộc diện thông tin phải công khai, phải cung cấp theo yêu cầu trừ những trường hợp cụ thể muốn tiếp cận phải có những điều kiện nhất định và điều kiện đó cũng phải được pháp luật quy định cụ thể.

Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Cụ thể hóa nội dung và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và các quy định của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, cũng như bảo đảm khả năng đáp ứng của cơ quan nhà nước đối với việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật tiếp cận

thông tin đã quy định 06 trường hợp từ chối yêu cầu cung cấp thông tin tại khoản 1 Điều 28, bao gồm:

Thứ nhất, thông tin được yêu cầu thuộc loại thông tin không được tiếp cận hoặc không đáp ứng được các điều kiện đối với loại thông tin được tiếp cận có điều kiện.

Thứ hai, thông tin được yêu cầu là các thông tin phải được công khai, trừ trường hợp được yêu cầu cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật. Quy định này nhằm bảo đảm giảm áp lực đối với cơ quan nhà nước và tận dụng tối đa nguồn thông tin đã được công bố, công khai, theo đó, đối với các thông tin đang được công khai, cơ quan nhận được yêu cầu cung cấp thông tin có thể từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu. Đối với trường hợp thông tin đang trong thời hạn công khai mà chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do khách quan mà công dân không thể tiếp cận được thì cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người dân theo yêu cầu.

Thứ ba, thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp.

Thứ tư, thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng. Quy định này nhằm bảo đảm vừa thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người dân mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, đồng thời cũng thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc lưu giữ và sử dụng thông tin mình đã được cung cấp. Nếu cùng một thông tin yêu cầu đã được cung cấp 02 lần, cơ quan nhà nước có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong những lần tiếp

theo. Tuy nhiên, để bảo đảm tính linh hoạt trong quy định của pháp luật khi áp dụng trong thực tế, Luật cũng quy định ngoại lệ nếu người yêu cầu có lý do chính đáng cho việc yêu cầu cung cấp thông tin từ lần thứ 3 trở lên (ví dụ: thiên tai, hỏa hoạn làm thất lạc thông tin...) thì cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người yêu cầu.

Thứ năm, thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan.

Thứ sáu, người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, khoản 2 Điều 28 Luật tiếp cận thông tin quy định cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc từ chối cung cấp thông tin và nêu rõ lý do từ chối cho người yêu cầu. Quy định này nhằm bảo vệ quyền của người yêu cầu cung cấp thông tin, vì trong trường hợp này, người yêu cầu có quyền khiếu nại để bảo vệ quyền lợi của mình. Để có cơ sở cho người yêu cầu khiếu nại thì việc từ chối đó phải được thể hiện bằng văn bản. Việc nêu rõ lý do từ chối là rất cần thiết để người yêu cầu cân nhắc việc có khiếu nại hay không; đồng thời cũng sẽ là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết khiếu nại nếu như có khiếu nại của người yêu cầu.

61. Khi nào cơ quan nhà nước có thể từ chối cung cấp thông tin trong trường hợp xác định “thông tin mà việc cung cấp vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước”?

Trả lời:

Cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân và chỉ được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong một số trường hợp nhất định như thông tin không thuộc phạm vi thông tin cung cấp theo yêu cầu, không thuộc trách nhiệm cung cấp của cơ quan hoặc thuộc phạm vi thông tin cung cấp, trách nhiệm cung cấp nhưng lại vượt quá khả năng đáp ứng của cơ quan, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước...

Thông tin được coi là vượt quá khả năng đáp ứng của cơ quan hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước là trường hợp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan và thuộc phạm vi thông tin cung cấp theo yêu cầu, tuy nhiên vì lý do như thông tin được yêu cầu với số lượng quá lớn, cơ quan nhà nước không đủ nguồn lực về con người, thiết bị, cơ sở vật chất... để sao chụp và cung cấp thông tin, hoặc nếu huy động nhân lực, trang thiết bị trong cơ quan để phục vụ cho yêu cầu cung cấp thông tin thì sẽ làm cho hoạt động của cơ quan diễn ra không bình thường. Trong những trường hợp như vậy, công dân cần xác định chính xác thông tin mà mình thực sự cần thiết phải sử dụng, liệu nguồn thông tin từ cơ quan nhà nước có phải là duy nhất hay thông tin đó đã được các cơ quan, tổ chức khác công khai, có thể cung cấp

hoặc công dân có thể sử dụng các dịch vụ tư nhân để sao chụp thông tin mà không yêu cầu cơ quan nhà nước nhân bản (chỉ yêu cầu một bản sao thay vì nhiều bản sao; không yêu cầu cùng một lúc quá nhiều thông tin...).

62. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cập nhật tình trạng giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho người yêu cầu hay không?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin không quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải cập nhật tình trạng giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho người yêu cầu cung cấp thông tin. Luật chỉ quy định khi công dân gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin đến cơ quan nhà nước, thì cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu (được lập bằng cả bản giấy và bản điện tử).

Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu được xây dựng giúp cho việc theo dõi tình trạng cung cấp thông tin của từng người yêu cầu. Sau khi gửi yêu cầu cung cấp thông tin, nếu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin chưa đầy đủ, chưa rõ ràng các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật, thì cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu bổ sung. Trường hợp thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp thì cơ quan nhận được yêu cầu phải thông báo và hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán; thực hiện việc cung cấp thông tin theo trình tự, thủ tục quy định.

Như vậy, mặc dù công dân không được nhận thông báo thường xuyên về tình trạng giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin nhưng sẽ nhận được thông báo về việc cung cấp thông tin với thời hạn cụ thể. Việc theo dõi tình trạng giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thuộc trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin nhằm bảo đảm việc cung cấp thông tin cho công dân được đúng hạn.

63. Khi nào thì có thể xác định được “thông tin phức tạp, không có sẵn”, “thông tin đơn giản, có sẵn”? Trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải “cung cấp ngay thông tin” được hiểu như thế nào trong điều kiện không có cán bộ chuyên trách cung cấp thông tin?

Trả lời:

Việc xác định thông tin đơn giản, có sẵn hay thông tin phức tạp, không có sẵn ảnh hưởng đến thời gian và quy trình cung cấp thông tin đối với từng hình thức cung cấp thông tin. Do đó, cơ quan cung cấp thông tin cần xác định chính xác thông tin mà người yêu cầu đề nghị là thông tin đơn giản, có sẵn hay thông tin phức tạp, không có sẵn. Luật tiếp cận thông tin không quy định cụ thể “thông tin đơn giản, có sẵn”, “thông

tin phức tạp, không có sẵn” được hiểu như thế nào, tuy nhiên, theo tinh thần của Luật thì *thông tin đơn giản, có sẵn* có thể là các thông tin như sau:

- Thông tin không thuộc phạm vi thông tin quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật tiếp cận thông tin có trong bản giấy có thể sao chụp được ngay tại trụ sở cơ quan với số lượng ít/có trong bản điện tử thuộc cơ sở dữ liệu thông tin của cơ quan có thể cung cấp được ngay/đã được sao, chụp bằng các hình thức khác nhau và đã từng được cung cấp mà không phải kiểm tra về việc có thuộc thông tin được cung cấp hay không (tựu chung là các thông tin về mặt nội dung và hình thức cung cấp đều có thể cung cấp nhanh chóng và thuận tiện mà không đòi hỏi các công đoạn phân loại thông tin, đánh giá lại thông tin có được cung cấp theo yêu cầu hay không);

- Thông tin mà cán bộ đầu mối có thể bố trí ngay cho người yêu cầu được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan.

Thông tin phức tạp, không có sẵn được hiểu là các thông tin sau đây:

- Thông tin mà nội dung cần được cơ quan cung cấp thông tin kiểm tra có thuộc phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận quy định tại Điều 6 hoặc thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện quy định tại Điều 7 Luật tiếp cận thông tin;

- Thông tin có trong bản giấy hoặc hình thức chứa đựng thông tin khác nhưng chưa thể sao, chụp được ngay;

- Thông tin được yêu cầu với số lượng khá lớn hoặc được yêu cầu cung cấp nhiều thông tin khác nhau và phải tập hợp từ nhiều nguồn thông tin;

- Thông tin có trong bản điện tử nhưng phải tìm kiếm, tập hợp từ nhiều đơn vị, bộ phận của cơ quan;

- Thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để xác định có thể cung cấp được hay không.

Việc cung cấp ngay thông tin cần phải hiểu là tùy theo điều kiện thực tế của mỗi cơ quan và phù hợp với hình thức cung cấp thông tin đó. Ví dụ: người yêu cầu đến trụ sở cơ quan cung cấp thông tin yêu cầu cơ quan cung cấp thông tin bằng hình thức trực tiếp tại trụ sở cơ quan, nếu là thông tin đơn giản, có sẵn thì tùy thuộc vào việc bố trí cơ sở vật chất (phòng và thiết bị đọc, nghe, xem,...) và khả năng đáp ứng của cơ quan cũng như hình thức chứa đựng thông tin, tài liệu mà cơ quan nhà nước bố trí cho người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, chụp tài liệu hoặc cung cấp ngay bản sao, bản chụp cho người yêu cầu. Chẳng hạn: nếu có nhiều người khuyết tật với nhiều dạng tật đều yêu cầu cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan là Ủy ban nhân dân cấp xã vùng miền núi và cơ quan không đủ điều kiện để bố trí ngay phòng đọc, nghe hay thiết bị nghe - nhìn cho đủ số lượng người yêu cầu thì cơ quan khó có thể cung cấp ngay thông tin; trong trường hợp này, cơ quan nên bố trí sắp xếp lịch hẹn cho mỗi người yêu cầu; hoặc quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của cơ quan đã xác định ngày tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan vào các sáng thứ 2, thứ 4 và thứ 6 trong tuần thì việc cung cấp ngay thông tin cũng sẽ thực hiện

theo Quy chế đó. Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của cơ quan cần công khai rộng rãi cho mọi người biết.

Khuyến nghị chung là cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin nên bố trí thời gian rõ ràng và thời gian trong tuần bố trí nhiều hay ít buổi, tính theo buổi hay theo giờ làm việc cố định trong ngày, trong tuần phụ thuộc vào số lượng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân tại trụ sở cơ quan (trên cơ sở đánh giá hàng năm hoặc hàng quý mà có thể điều chỉnh cho phù hợp) và bảo đảm nguyên tắc chung của Luật là tạo thuận lợi cho công dân tiếp cận thông tin và bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước.

Hoặc đối với trường hợp cung cấp thông tin qua mạng điện tử, nếu thông tin đơn giản, có sẵn, có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan nhận được yêu cầu phải cung cấp thông tin cho công dân.

Hoặc đối với trường hợp cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax, nếu thông tin đơn giản, có sẵn, có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan nhận được yêu cầu phải cung cấp thông tin cho công dân.

64. Thời hạn cung cấp thông tin theo yêu cầu có thể được gia hạn trong những trường hợp nào? Trường hợp xét thấy không thể cung cấp thông tin đúng thời hạn quy định, cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin phải làm gì?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin có quy định về việc gia hạn cung cấp thông tin đối với các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân (trực tiếp tại trụ sở cơ quan, qua mạng điện tử, qua dịch vụ bưu chính, fax) tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 trong trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin.

Thời hạn gia hạn để giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin được quy định khác nhau tương ứng với từng hình thức cung cấp thông tin, đối với hình thức cung cấp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thì thời hạn gia hạn là tối đa không quá 10 ngày làm việc; đối với hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân qua mạng điện tử và qua dịch vụ bưu chính, fax thì thời hạn gia hạn là tối đa không quá 15 ngày.

Trong trường hợp cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin thấy rằng cần có thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin và không thể cung cấp thông tin cho công dân trong thời hạn quy định thì cơ quan được yêu cầu phải có văn bản thông báo về việc gia hạn cung cấp thông tin cho công dân trước khi hết hạn cung cấp thông tin theo quy định.

65. Việc cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin được thực hiện theo trình tự, thủ tục như thế nào?

Trả lời:

Cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin là một trong các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân. Tùy thuộc vào điều kiện, nhu cầu của mình, công dân có thể lựa chọn hình thức cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc hình thức khác.

Người yêu cầu cung cấp thông tin đến trụ sở cơ quan cung cấp thông tin có thể được cung cấp ngay đối với các thông tin đơn giản, có sẵn mà không mất thời gian chờ đợi. Khoản 1 Điều 29 Luật tiếp cận thông tin quy định đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì người yêu cầu cung cấp thông tin được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc yêu cầu cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu phù hợp với hình thức chứa đựng thông tin.

Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo cho người yêu cầu đến trụ sở để đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc nhận bản sao, bản chụp tài liệu hoặc có văn bản thông báo về việc từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 10

ngày làm việc và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

66. Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không đến trụ sở cơ quan cung cấp thông tin để tiếp cận thông tin theo thông báo của cơ quan nhà nước nhưng sau đó lại tiếp tục yêu cầu cung cấp thông tin theo hình thức khác thì cơ quan nhà nước xử lý như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin bằng hình thức trực tiếp tại trụ sở cơ quan nhà nước và đã được cơ quan cung cấp thông tin thông báo về thời gian, địa điểm, chi phí tiếp cận thông tin (nếu có) nhưng không đến trụ sở cơ quan để tiếp cận thông tin, sau đó lại tiếp tục yêu cầu cung cấp thông tin đó theo hình thức khác (như qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax) thì cơ quan cung cấp thông tin xem xét để cung cấp thông tin cho công dân nếu như cơ quan cung cấp thông tin lưu trữ thông tin đó phù hợp với hình thức mà người yêu cầu đề nghị, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

67. Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện trong các trường hợp nào? Trình tự, thủ tục như thế nào?

Trả lời:

Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử nhằm bảo đảm việc chuyển thông tin từ cơ quan cung cấp thông tin đến

người yêu cầu được nhanh chóng, thuận tiện. Hình thức cung cấp thông tin này được thực hiện khi có đủ 02 điều kiện sau: (i) thông tin được yêu cầu phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và có thể truyền tải qua mạng điện tử; (ii) cơ quan nhà nước có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp thông tin được yêu cầu qua mạng điện tử.

Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện bằng các cách thức sau đây: (i) Gửi tập tin đính kèm thư điện tử; (ii) Cung cấp mã truy cập một lần; (iii) Chỉ dẫn địa chỉ truy cập để tải thông tin.

Tùy theo tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp là đơn giản, có sẵn hay phức tạp, không có sẵn, Luật quy định trình tự, thủ tục cung cấp thông tin cụ thể như sau:

- Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin (khoản 3 Điều 30).

- Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung

cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin. Quy định như vậy nhằm bảo đảm quyền lợi của người yêu cầu cung cấp thông tin được thông báo sớm về việc từ chối cung cấp thông tin, làm cơ sở cho họ xem xét, quyết định việc khiếu nại, khởi kiện nếu cần thiết.

Về nguyên tắc, hình thức cung cấp thông tin qua mạng điện tử được tiến hành đơn giản, không gây tốn kém, do vậy, người yêu cầu cung cấp thông tin không phải trả chi phí khi được cung cấp thông tin qua mạng điện tử.

68. Trong trường hợp người yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin qua mạng điện tử nhưng không tiếp cận được thông tin dưới hình thức này thì họ có thể yêu cầu cung cấp thông tin theo hình thức khác không? Nếu có yêu cầu trong trường hợp này thì được tiếp nhận và xử lý như thế nào?

Trả lời:

Về nguyên tắc, cơ quan nhà nước được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp và khả năng của cơ quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Do đó, nếu người yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin qua mạng điện tử nhưng hình thức yêu cầu cung cấp thông tin này không phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu và hình thức chứa đựng thông tin, thì người yêu cầu cung cấp thông tin không tiếp cận được thông tin với hình thức này. Khi giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước

cần thông báo cho công dân về hình thức cung cấp thông tin khác mà công dân có thể tiếp cận phù hợp với tính chất, hình thức chứa đựng của thông tin đó và các nội dung khác của thông báo giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân. Nếu có hai hình thức cung cấp thông tin phù hợp với tính chất thông tin được yêu cầu, để tạo thuận lợi cho công dân lựa chọn hình thức cung cấp thông tin thì thông báo cần nêu các nội dung phù hợp với từng hình thức cung cấp thông tin để công dân lựa chọn. Công dân lựa chọn hình thức cung cấp thông tin nào thì sẽ áp dụng quy trình, thủ tục cung cấp thông tin tương ứng với hình thức đó theo quy định của Luật tiếp cận thông tin.

69. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax như thế nào?

Trả lời:

Việc cung cấp thông tin qua đường bưu chính, fax được tiến hành trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin có yêu cầu hình thức cung cấp thông tin qua đường bưu chính, fax (ghi trong Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin) hoặc trong trường hợp cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin xác định đây là hình thức phù hợp, thuận lợi nhất đối với thông tin được yêu cầu.

Việc cung cấp thông tin qua đường bưu chính, fax được thực hiện như sau (Điều 31 Luật tiếp cận thông tin):

- Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

- Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

70. Trong trường hợp thông tin được yêu cầu có phần cần loại bỏ trước khi cung cấp, cơ quan cung cấp thông tin có phải giải thích rõ với người yêu cầu cung cấp thông tin hay không?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin quy định một trong những trách nhiệm quan trọng của cơ quan cung cấp thông tin trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân là phải rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp. Để bảo đảm tính chặt chẽ, Quy chế cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước có thể quy định việc lập Phiếu xác nhận kết quả rà soát, kiểm tra tính bí mật của thông tin, phân loại thông tin.

Bên cạnh đó, cung cấp thông tin chính xác là một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Do đó, việc loại bỏ thông tin có nội dung bí mật trước khi cung cấp và cung cấp chính xác thông tin mà người yêu cầu đề nghị là trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Khi người yêu cầu cung cấp thông tin nhận được thông tin và có thắc mắc về thông tin bị loại bỏ thì cơ quan cung cấp thông tin giải thích với công dân về nội dung này.

71. Trong trường hợp thông tin được yêu cầu là văn bản thì cơ quan được yêu cầu cung cấp toàn bộ văn bản hay có thể lược bớt những phần không liên quan?

Trả lời:

Theo quy định của Luật tiếp cận thông tin thì thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra. Bên cạnh đó, để bảo đảm tính khả thi, theo tinh thần của Luật thì thông tin được cung cấp theo yêu cầu phải là thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra và có sẵn, cung cấp nguyên văn bản hồ sơ, tài liệu có chứa đựng thông tin mà người yêu cầu đề nghị. Cơ quan nhà nước không có trách nhiệm phải xử lý thông tin theo hướng chỉ cung cấp phần nội dung thông tin mà người yêu cầu đề nghị hoặc nghiên cứu, xử lý số liệu theo yêu cầu của công dân hoặc xử lý vụ việc cụ thể như cải chính hộ tịch...

72. Việc các cơ quan nhà nước lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu nhằm mục đích gì?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu (khoản 1 Điều 26).

Việc thiết lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu trước tiên nhằm theo dõi về tình trạng giải quyết đối với từng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân, bảo đảm cho cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin theo dõi được tiến độ xử lý yêu cầu, bảo đảm việc giải quyết yêu cầu thông tin đúng thời hạn quy định. Bên cạnh đó, việc thiết lập Sổ cũng giúp cho cơ quan theo dõi, thống kê, xây dựng báo cáo tình hình cung cấp thông tin về các nội dung như: số lượng yêu cầu cung cấp thông tin; số lượng yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối, gia hạn; kể cả các thông tin liên quan đến khiếu nại; chi phí cung cấp thông tin;...

Việc lập và cập nhật Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu còn giúp cơ quan nắm được tình hình yêu cầu cung cấp thông tin tại cơ quan mình để kịp thời có những giải pháp thích hợp nhằm khắc phục những hạn chế, tăng cường những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin và bố trí hợp lý đơn vị, người làm đầu mối cung cấp

thông tin cho công dân; trang bị các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin, địa điểm cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan cho phù hợp với nhu cầu tiếp cận thông tin của công dân.

Chẳng hạn, qua theo dõi, cơ quan nhà nước có thể nhận thấy thông tin nào được yêu cầu nhiều thì cơ quan có thể xem xét việc công khai thông tin đó một cách rộng rãi. Cũng qua theo dõi, cơ quan nhà nước có thể biết được người yêu cầu đã có bao nhiêu lần yêu cầu cung cấp một thông tin hay họ có cùng lúc gửi nhiều yêu cầu cung cấp thông tin hay không... Theo dõi việc xử lý yêu cầu cung cấp thông tin cũng là biện pháp hữu hiệu bảo đảm thông tin được cung cấp đúng pháp luật và thông tin mật được loại bỏ trước khi cung cấp.

Để tiện cho việc theo dõi và tổng hợp, thống kê, Sở theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu cần được thiết lập bằng giấy và bằng phần mềm điện tử. Luật tiếp cận thông tin và dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin không quy định nội dung cụ thể của Sở theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu. Tùy thuộc vào phạm vi thông tin cung cấp theo yêu cầu của cơ quan và các nội dung cần theo dõi, thống kê, báo cáo, cơ quan cung cấp thông tin thiết lập Sở theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu phù hợp với cơ quan mình. Tuy nhiên, có một số gợi ý đối với nội dung của Sở theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu mà cơ

quan cung cấp thông tin có thể tham khảo, đó là: số thứ tự yêu cầu; ngày nhận được yêu cầu; thông tin về người yêu cầu; tóm tắt nội dung yêu cầu; số trang yêu cầu; văn bản, hồ sơ, tài liệu yêu cầu; quyết định từ chối cung cấp thông tin,... Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu giữ, tra cứu, có thể nghiên cứu thiết kế sử dụng phiên bản điện tử Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu với nhiều nội dung như trên, còn phiên bản giấy thì chỉ ghi tóm tắt các nội dung về ngày nhận yêu cầu, người yêu cầu, văn bản, hồ sơ, tài liệu yêu cầu...

73. Người yêu cầu có được sử dụng các phương tiện của mình để tiếp cận thông tin không? Người khuyết tật có được sử dụng thiết bị trợ thính để tiếp cận thông tin không? Công dân có được sử dụng điện thoại để chụp văn bản, tài liệu, hồ sơ mà không cần sử dụng máy photocopy của cơ quan không?

Trả lời:

Bảo đảm các biện pháp về nhân lực, kinh phí và trang thiết bị cần thiết để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin là trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi, Luật tiếp cận thông tin cũng quy định, cơ quan nhà nước căn cứ vào điều kiện thực tế của mình, tạo điều kiện cho người yêu cầu trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở; trang bị bảng thông tin hoặc thiết

bị khác để công khai thông tin (khoản 6 Điều 35); trường hợp cơ quan nhà nước chưa có cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử, căn cứ vào điều kiện thực tế, có trách nhiệm công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều 19 bằng hình thức thích hợp khác (khoản 6 Điều 19).

Để bảo đảm cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời và thuận tiện cho công dân, tăng cường các biện pháp nhằm tạo điều kiện cho công dân trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin, đồng thời góp phần giảm gánh nặng cho cơ quan nhà nước, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin được xây dựng theo hướng quy định công dân có thể sử dụng điện thoại di động của mình để chụp văn bản, tài liệu, hồ sơ; người khuyết tật được sử dụng thiết bị trợ thính và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu.

74. Cơ quan nhà nước có cần đặt lịch hẹn cho công dân khi tiếp cận thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan không?

Trả lời:

Để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, về nguyên tắc, các cơ quan nhà nước phải có các biện pháp để bảo đảm tiếp nhận đầy đủ các yêu cầu của công dân khi họ yêu cầu cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan. Cơ

quan nhà nước cần có sự sắp xếp, bố trí thứ tự yêu cầu cung cấp thông tin của công dân để tiếp đón từng trường hợp theo thứ tự ưu tiên người đến trước, các đối tượng yếu thế như người khuyết tật, người cao tuổi...; bố trí cán bộ đầu mối tiếp nhận đầy đủ các yêu cầu của công dân.

Bên cạnh đó, có trường hợp trong cùng một thời điểm có nhiều công dân cùng đến trụ sở cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin, nhưng điều kiện nguồn nhân lực, trang thiết bị của cơ quan đó chưa thể đáp ứng được việc tiếp nhận và xử lý kết quả cung cấp thông tin. Khi đó, cán bộ đầu mối cung cấp thông tin cần có giải thích, hướng dẫn cụ thể cho từng người yêu cầu về việc bố trí lịch hẹn vào thời gian phù hợp với điều kiện bố trí nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị của cơ quan và đúng thời gian theo quy định của Luật.

75. Cơ quan nhà nước có bắt buộc phải bố trí lịch tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân tất cả các ngày trong tuần?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin phải xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin (khoản 4 Điều 33); bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan (khoản 5 Điều 33). Do đó, cơ quan nhà nước cần công khai lịch tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin tại nơi tiếp công dân để công dân đến trụ sở cơ quan đúng ngày có lịch tiếp. Tùy theo điều kiện thực tế về số lượng yêu cầu cung cấp thông tin và nguồn nhân lực của cơ

quan, đặc biệt là trong điều kiện Luật không có quy định bắt buộc cơ quan nhà nước phải bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác cung cấp thông tin, thì Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước cần phải xác định cụ thể lịch tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân là hàng ngày hay một số ngày/buổi trong tuần.

Để thuận tiện cho công dân biết rõ và tiếp cận lịch tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước cần công khai lịch này trên Chuyên mục về cung cấp thông tin thuộc trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin.

76. Ai có trách nhiệm xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác? Trình tự, thủ tục xử lý như thế nào?

Trả lời:

Nhằm bảo đảm thông tin được cung cấp phải kịp thời, chính xác, đầy đủ phù hợp với các nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, khắc phục tình trạng thực tế là đã có những thông tin không chính xác, không đúng sự thật gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến trật tự và ổn định xã hội, Điều 32 Luật tiếp cận thông tin quy định cụ thể trách nhiệm, trình tự, thủ tục xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, cụ thể như sau:

- Trường hợp phát hiện thông tin do mình cung cấp không chính xác thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, cơ quan nhà nước có trách nhiệm đính chính và cung cấp lại thông tin, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tiếp cận thông tin

- Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin cho rằng thông tin được cung cấp là không chính xác thì có quyền yêu cầu cơ quan đã cung cấp thông tin cung cấp lại thông tin chính xác. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho người yêu cầu; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải đính chính và cung cấp lại thông tin, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tiếp cận thông tin.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không thể xác định được tính chính xác của thông tin do mình nắm giữ thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được đề nghị của người yêu cầu cung cấp thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đề nghị cơ quan tạo ra thông tin xem xét. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan tạo ra thông tin phải xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho Ủy ban nhân dân cấp xã; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải gửi kèm theo thông tin chính xác.

Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đính chính lại thông tin hoặc thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin biết.

Luật quy định riêng đối với chủ thể là Ủy ban nhân dân cấp xã vì đây là chủ thể cung cấp thông tin do mình nắm giữ, một số chủ thể khác cũng phải cung cấp thông tin do chủ thể khác tạo ra như Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước... và các chủ thể quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật.

Phần 6
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TRONG VIỆC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN
QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN

77. Những biện pháp nào được Luật tiếp cận thông tin quy định nhằm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân?

Trả lời:

Bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân đặt ra yêu cầu cho Nhà nước và các tổ chức, cá nhân phải thực hiện tổng thể các biện pháp, từ bảo đảm nguồn nhân lực tới tăng cường, nâng cấp cơ sở dữ liệu thông tin, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, quy trình văn thư, lưu trữ và xử lý thông tin giữa đầu môi tạo ra thông tin và đầu môi cung cấp thông tin... Để chuẩn hóa các biện pháp này và tăng cường trách

nhiệm cho các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin trong việc triển khai thi hành Luật, tại Điều 33 Luật tiếp cận thông tin quy định các biện pháp sau đây:

- Các biện pháp bảo đảm về tổ chức bộ máy và nhân lực, gồm xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin; bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân (khoản 1 và khoản 4 Điều 33). Trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, việc bố trí đầu mối tiếp nhận yêu cầu, cung cấp và ra quyết định cung cấp thông tin có ý nghĩa quan trọng. Năng lực của cán bộ phụ trách cung cấp thông tin là một trong những điều kiện bảo đảm cho việc đáp ứng tốt hơn yêu cầu tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức; giảm thời gian và chi phí cho công dân trong việc yêu cầu cung cấp thông tin; giúp công dân có thể thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả và thuận tiện hơn quyền tiếp cận thông tin của mình, để từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sinh sống, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, nhất là đối với việc tiếp cận kịp thời những thông tin có tính chất thương mại.

- Các biện pháp bảo đảm về cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, quản lý thông tin, gồm: vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định của Chính phủ; tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước và phương tiện thông tin đại chúng; bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để

cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan; củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử (khoản 2, 3, 5 và khoản 6 Điều 33).

Các biện pháp nêu trên thuộc trách nhiệm của tất cả các cơ quan nhà nước - chủ thể cung cấp thông tin. Mỗi cơ quan nhà nước cần coi các biện pháp nêu trên như các biện pháp để bảo đảm thi hành tốt các quy định của Luật tiếp cận thông tin tại chính cơ quan mình mà không chỉ là trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, từ đó, mới có thể đưa Luật tiếp cận thông tin đi vào cuộc sống.

Để cụ thể hóa các biện pháp quy định tại Luật, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin được xây dựng theo hướng quy định chi tiết từng biện pháp nêu trên để các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thực hiện được thống nhất, thuận tiện, hiệu quả.

78. Trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, cơ quan cung cấp thông tin thực hiện những trách nhiệm nào?

Trả lời:

Để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Trước hết, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ. Trong trường hợp phát hiện thông tin đã cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ thì phải đính chính hoặc cung cấp bổ sung thông tin. Đồng thời, Luật cũng quy định trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin tiến hành các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân như lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin có trách nhiệm cung cấp, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, kịp thời, dễ dàng tra cứu; rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; kịp thời xem xét, cân nhắc lợi ích của việc cung cấp thông tin để công khai thông tin hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu nhằm bảo đảm lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng...

Cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình... Để bảo đảm tính thống nhất trong việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin của các cơ quan và bảo đảm quy trình cung cấp thông tin tại

mỗi cơ quan thật sự thuận lợi cho người dân, bảo đảm tính nhanh chóng, kịp thời khi cung cấp thông tin, Luật quy định những nội dung cơ bản của Quy chế gồm: xác định đầu mối cung cấp thông tin; việc chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin được cung cấp và không được cung cấp; cập nhật thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu; trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin giữa đơn vị đầu mối với đơn vị phụ trách cơ sở dữ liệu thông tin và các đơn vị có liên quan.

Cùng với trách nhiệm tổ chức thực thi các biện pháp cụ thể để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật đặt ra yêu cầu cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm rà soát các quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để kịp thời đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật tiếp cận thông tin.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện quyền tiếp cận thông tin, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề có liên quan tới việc thực hiện quyền của mình. Trong nhiều trường hợp còn có thể xảy ra các vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin của cả cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Để bảo đảm

giải quyết thỏa đáng các quyền và yêu cầu của công dân, Luật giao trách nhiệm cho các cơ quan cung cấp thông tin phải tổ chức giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân tại cơ quan mình khi được yêu cầu.

Bên cạnh đó, nhằm xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể: người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin, người đứng đầu đơn vị làm đầu mối cung cấp thông tin và người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin. Theo đó, người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm: bố trí địa điểm đọc, nghe, xem, ghi chép, sao chép, chụp thông tin để cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan; bố trí thiết bị tại trụ sở cơ quan phù hợp với hình thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của công dân; sử dụng các biện pháp để tăng cường cung cấp thông tin và tạo thuận lợi cho công dân tiếp cận thông tin bằng hình ảnh, video và các phương tiện nghe, nhìn khác; cho phép người yêu cầu cung cấp thông tin sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu.

Đối với người đứng đầu đơn vị làm đầu mối cung cấp

thông tin và người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin: Người đứng đầu đơn vị được giao làm đầu mối cung cấp thông tin chịu trách nhiệm bảo đảm thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin của cơ quan mình, kịp thời xử lý người cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi cản trở quyền tiếp cận thông tin của công dân. Người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ cho công dân; không được những nhiễu, gây cản trở, khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ.

79. Việc lập, cập nhật và công khai Danh mục thông tin phải được công khai được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Danh mục thông tin phải được công khai là một danh mục bắt buộc mà các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin phải thiết lập, công khai trên trang thông tin điện tử/công thông tin điện tử của cơ quan mình và có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin mới được tạo ra thuộc phạm vi thông tin được công bố công khai. Danh mục này thể hiện rõ phạm vi, số lượng thông tin mà mỗi cơ quan đó tạo ra và có trách nhiệm phải công bố công khai để công dân nắm bắt, tiếp cận. Danh mục này càng được mở rộng, cập nhật thường xuyên thì càng thể hiện rõ phạm vi thông tin được công khai của cơ

quan đó rộng rãi, thể hiện việc thực hiện kịp thời trách nhiệm công bố công khai thông tin của cơ quan và góp phần giảm thiểu các yêu cầu cung cấp thông tin của công dân.

Để thực hiện thống nhất, thuận tiện việc lập, cập nhật và công khai Danh mục thông tin phải được công khai, điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật quy định: cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại Điều 9 của Luật này có trách nhiệm chủ động lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai và đăng tải Danh mục trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; thường xuyên cập nhật và công khai thông tin theo đúng thời điểm, thời hạn và hình thức theo Danh mục thông tin phải được công khai.

Việc lập, cập nhật và công khai danh mục thông tin được thực hiện cụ thể như sau:

- Trách nhiệm lập, cập nhật và công khai Danh mục thông tin phải được công khai thuộc về đơn vị đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan cung cấp thông tin. Để đơn vị này có đủ thông tin đưa vào Danh mục, đơn vị chủ trì tạo ra thông tin của cơ quan cung cấp thông tin xác định thông tin thuộc Danh mục thông tin phải được công khai theo Điều 17 Luật tiếp cận thông tin.

- Thông tin được đưa vào Danh mục là các thông tin do cơ quan tạo ra thuộc các loại thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 Luật tiếp cận thông tin.

- Danh mục thông tin phải được công khai gồm các nội dung: tên, số, ký hiệu văn bản, hồ sơ, tài liệu; ngày, tháng, năm tạo ra văn bản, hồ sơ, tài liệu kèm theo hình thức công khai thông tin, thời điểm, thời hạn công khai thông tin (nếu có).

Trường hợp thông tin đang được công khai tại các cơ sở dữ liệu khác nhau hoặc đăng tải trên trang/cổng thông tin điện tử thì tại Danh mục thông tin phải được công khai phải kèm theo chỉ dẫn địa chỉ truy cập để tải thông tin. Trường hợp thông tin chưa được công khai trên trang/cổng thông tin điện tử mà đã được số hóa thì phải được đính kèm theo Danh mục thông tin phải được công khai.

- Danh mục thông tin phải được công khai được thường xuyên cập nhật theo quy chế của cơ quan.

- Danh mục thông tin phải được công khai được đăng tải trên Chuyên mục về tiếp cận thông tin tại trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin. Đối với cơ quan chưa có trang/cổng thông tin điện tử thì phải niêm yết Danh mục thông tin phải được công khai tại trụ sở cơ quan hoặc có hình thức công khai khác thuận lợi cho công dân trong việc tiếp cận thông tin.

Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho cả cơ quan cung cấp thông tin và người yêu cầu cung cấp thông tin, ngoài Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định của

Luật, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin được xây dựng theo hướng yêu cầu cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin lập Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo Điều 7 Luật tiếp cận thông tin. Việc lập Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện được thực hiện tương tự như việc lập Danh mục thông tin phải được công khai.

80. Cơ quan nhà nước có phải bố trí một bộ phận chuyên trách/cán bộ chuyên trách làm đầu mối cung cấp thông tin hay không?

Trả lời:

Trên thực tế, cách thức tạo ra thông tin của mỗi cơ quan nhà nước rất khác nhau và có thể do nhiều đơn vị, đầu mối trực thuộc tạo ra và quản lý, ví dụ, các cơ quan nhà nước ở trung ương như bộ, cơ quan ngang bộ có các tổng cục được tổ chức theo ngành dọc, có các cục, chi cục đặt tại địa phương, có các cục, vụ và các đơn vị tương đương; các cơ quan ở địa phương có các phòng, ban trực thuộc. Theo đó, để thống nhất đầu mối cung cấp thông tin của mỗi cơ quan, Luật đưa ra giải pháp các cơ quan nhà nước phải “*xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin*” và quy định rõ đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan trong Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin của cơ quan (khoản 4

Điều 33 và điểm h khoản 1 Điều 34 của Luật).

Như vậy, theo quy định trên, cơ quan nhà nước cần bố trí đơn vị là đầu mối cung cấp thông tin nhưng không nhất thiết phải là bộ phận chuyên trách cung cấp thông tin. Việc xác định bộ phận này là chuyên trách hay kiêm nhiệm do Thủ trưởng cơ quan cung cấp thông tin quyết định phù hợp với yêu cầu, khối lượng cung cấp thông tin trên thực tế. Hiện nay, trong bối cảnh tinh gọn tổ chức bộ máy nhà nước, việc thành lập thêm tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ mới được giao là rất khó khả thi, do đó, các cơ quan nhà nước căn cứ vào việc phân công nhiệm vụ, quyền hạn cho các đơn vị trực thuộc để lựa chọn đơn vị nào có nhiệm vụ tương đồng, phù hợp nhất với việc cung cấp thông tin để giao cho đơn vị đó làm đầu mối cung cấp thông tin. Đối với các cơ quan trung ương trực thuộc được tổ chức theo mô hình tổng cục có các cục và chi cục ở địa phương, người đứng đầu cơ quan có thể phân cấp, ủy quyền cho người đứng đầu các tổ chức tổng cục đó tổ chức việc cung cấp thông tin do tổng cục tạo ra và quản lý. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, mặc dù Luật không quy định trực tiếp trách nhiệm phải cung cấp thông tin của các đơn vị này, nhưng trong các quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định như các đơn vị giáo dục phải công bố công khai các thông tin liên

quan đến tuyển sinh, chế độ chính sách đối với người học, chế độ học phí... thì cũng cần phải phân công rõ các đơn vị đó thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, việc bố trí đầu mối để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về công khai thông tin, tiếp nhận yêu cầu, cung cấp và xử lý các vấn đề liên quan trực tiếp tới việc cung cấp thông tin có ý nghĩa quan trọng. Mỗi cơ quan bố trí người làm đầu mối phụ trách cung cấp thông tin sẽ đáp ứng tốt hơn yêu cầu tiếp cận thông tin của công dân, giảm thời gian và chi phí cho công dân trong việc yêu cầu tiếp cận thông tin. Do đó, Luật giao trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin/người đứng đầu đơn vị đầu mối cung cấp thông tin phải bố trí người làm đầu mối cung cấp thông tin thuộc đơn vị đầu mối.

Tuy nhiên, tại Luật tiếp cận thông tin không quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của người làm đầu mối cung cấp thông tin mà để cho người đứng đầu đơn vị đầu mối chủ động trong việc sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp để thực hiện nhiệm vụ. Việc không đặt ra tiêu chuẩn, điều kiện cho người làm đầu mối cung cấp thông tin là do nhiệm vụ cung cấp thông tin tương tự như các nhiệm vụ thường xuyên khác trong các cơ quan nhà nước, không có những đòi hỏi có tính chất đặc thù trong quá trình thực hiện, theo đó, người làm đầu mối đã là cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc đơn vị đầu mối là đủ điều kiện, tiêu chuẩn để lựa chọn và bố trí thực hiện nhiệm vụ này. Tuy nhiên, xuất phát từ quyền tiếp cận thông tin là quyền công dân và quá trình thực hiện cung cấp thông

tin cũng đặt ra một số yêu cầu, như phải có những hiểu biết cơ bản về quyền và cách thức thực hiện quyền; về một số biện pháp nghiệp vụ như lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính mật của thông tin trước khi cung cấp; về xử lý thông tin có sai sót; về sử dụng các thiết bị tin học, điện tử và truy cập cơ sở dữ liệu thông tin khi cung cấp; về kỹ năng giao tiếp, ứng xử với công dân khi tiếp nhận và xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin... nên người đứng đầu đơn vị đầu mối cần có sự lựa chọn để bố trí cán bộ, công chức phù hợp làm nhiệm vụ này. Đồng thời, sau khi bố trí đội ngũ này, cơ quan nhà nước cần tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân để có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ.

81. Đơn vị/cán bộ được giao làm đầu mối cung cấp thông tin thực hiện những trách nhiệm nào?

Trả lời:

Đơn vị được phân công làm đầu mối cung cấp thông tin sẽ giúp cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan đó. Theo đó, người đứng đầu đơn vị được giao làm đầu mối cung cấp thông tin chịu trách nhiệm *bảo đảm thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin của cơ quan mình, kịp thời xử lý người cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi cản trở quyền tiếp cận thông tin của công dân* (khoản 2 Điều 34 của Luật).

Tiếp đó, đơn vị đầu mối có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức có hiệu quả nhiệm vụ cung cấp thông tin của cơ quan, gồm:

- Bố trí người làm đầu mối cung cấp thông tin để thực hiện cung cấp thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin.

- Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý yêu cầu cung cấp thông tin và thực hiện cung cấp thông tin cho công dân theo yêu cầu.

- Giải thích, hướng dẫn, thông báo cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo đúng trình tự, thủ tục; hướng dẫn, hỗ trợ người yêu cầu xác định rõ hồ sơ, tài liệu, tên văn bản có chứa thông tin cần tìm kiếm để điền đầy đủ, chính xác vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Tiếp nhận, trả lời hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan trả lời phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân về việc cung cấp thông tin của cơ quan mình theo quy định của pháp luật có liên quan; kiến nghị, đề xuất với người đứng đầu cơ quan về các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho công dân.

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; tổng hợp tình hình, kết quả công tác cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan; báo cáo định kỳ và đột xuất tới người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin.

- Bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người không biết chữ, người khuyết tật, người gặp khó

khăn khác trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; trường hợp người yêu cầu không thể viết Phiếu yêu cầu thì giúp điền Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

Đối với trách nhiệm của người làm đầu mối cung cấp thông tin, Luật tiếp cận thông tin quy định “*người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ cho công dân; không được những nhiễu, gây cản trở, khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ*”. Nhiệm vụ của người làm đầu mối cung cấp thông tin sẽ do người đứng đầu đơn vị đầu mối phân công, xác định cụ thể trong Quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của từng cơ quan để xác định rõ trách nhiệm trong từng quy trình, nhiệm vụ cung cấp thông tin cụ thể.

82. Những biện pháp bảo đảm trang bị, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin?

Trả lời:

Cụ thể hóa nguyên tắc tại khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*”, Luật tiếp cận thông tin bên cạnh việc quy định cụ thể quyền và phương thức thực hiện quyền tiếp cận thông tin, còn chú trọng đặc biệt tới các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền. Phù hợp với các phương thức thực hiện quyền tiếp cận thông tin và trong xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng sâu rộng trong hoạt động

của cơ quan nhà nước nói chung và hoạt động cung cấp thông tin nói riêng, Luật đã quy định rõ các biện pháp liên quan đến bảo đảm trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất như sau:

- Vận hành công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định của Chính phủ.

- Bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan.

- Cung cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử.

Để thực hiện có hiệu quả các biện pháp được Luật quy định như đã nêu trên, dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng giao trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin, người đứng đầu đơn vị đầu mối cung cấp thông tin. Theo đó, trách nhiệm cụ thể của các chủ thể này như sau:

- Người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin, đứng đầu đơn vị được giao đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết khác phục vụ cho việc cung cấp thông tin.

- Người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm:

+ Bố trí địa điểm đọc, nghe, xem, ghi chép, sao chép, chụp thông tin để cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan;

+ Bố trí thiết bị tại trụ sở cơ quan phù hợp với hình thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của công dân;

+ Sử dụng các biện pháp để tăng cường cung cấp thông tin và tạo thuận lợi cho công dân tiếp cận thông tin bằng hình ảnh, video và các phương tiện nghe, nhìn khác;

+ Cho phép người yêu cầu cung cấp thông tin sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu.

83. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin được quy định như thế nào? Tại sao cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường số hóa các thông tin, tài liệu?

Trả lời:

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin và số hóa các thông tin, tài liệu là giải pháp hữu hiệu, bảo đảm việc công khai thông tin được kịp thời, nhanh chóng và trên diện rộng nhất, thuận tiện cho cả cơ quan nhà nước và công dân trong việc thực hiện trách nhiệm cũng như quyền của mình. Với tinh thần của Luật là công khai tối đa

các loại thông tin cần phải công khai trên trang thông tin điện tử, công thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin, mở rộng việc tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu qua phương tiện điện tử như qua email, qua các thiết bị công nghệ hiện đại, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa thông tin là yêu cầu bắt buộc đối với các cơ quan nhà nước. Đây cũng là một trong những giải pháp để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử và mục tiêu xây dựng Chính phủ công khai, minh bạch, phục vụ người dân.

Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin có quy định về việc ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa thông tin trong việc cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước. Theo đó, người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin bảo đảm các biện pháp kỹ thuật nhằm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; tổ chức số hóa, sử dụng kỹ thuật công nghệ thông tin trong quản lý tài liệu điện tử, quản lý thông tin, theo dõi việc cung cấp thông tin thông qua Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu dưới dạng bản giấy hoặc bản điện tử để đảm bảo cung cấp thông tin cho công dân thuận lợi, kịp thời, dễ dàng tra cứu. Bên cạnh đó, việc sử dụng chữ ký số trong hoạt động cung cấp thông tin cũng được quy định cụ thể để phù hợp với hình thức cung cấp thông tin qua mạng điện tử và thuận lợi cho cả cơ quan nhà nước và công dân.

Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa thông tin sẽ thay thế việc cung cấp thông tin, quản lý thông tin thủ công hiện nay, góp phần giảm thời gian, công sức, nguồn nhân lực cho việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước.

84. Tại sao cần thiết ban hành quy chế nội bộ về cung cấp thông tin của mỗi cơ quan?

Trả lời:

Nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật đã quy định khá chi tiết, cụ thể về quy trình, cách thức, thời hạn cung cấp thông tin, phạm vi thông tin phải cung cấp... Tuy nhiên, do cách thức tổ chức và phân công nhiệm vụ khác nhau giữa các cơ quan nhà nước, đồng thời, quy trình cung cấp thông tin trong nội bộ của mỗi cơ quan đòi hỏi có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị tạo ra thông tin và đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, giao trách nhiệm cụ thể cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các cán bộ, công chức trong việc tổ chức thực thi hiệu quả các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, do đó, tại mỗi cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin vẫn cần thiết phải xây dựng và ban hành Quy chế cung cấp thông tin của nội bộ cơ quan mình. Việc xây dựng Quy chế còn là để mỗi cơ quan có sự chủ động, chuẩn bị kỹ lưỡng trong quy trình xử lý thông tin tại cơ quan, đơn vị mình; bảo đảm việc tổ chức triển khai, phân công các đơn vị trực thuộc; bố trí, phân công công chức làm đầu mối cung cấp thông tin của mỗi cơ quan được rõ ràng; bảo đảm việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đúng thời hạn Luật định; bảo đảm tính khả thi trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Luật tại mỗi cơ quan.

Để tạo thuận lợi cho các cơ quan và bảo đảm tính thống nhất trong việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin của các cơ quan, Luật đã quy định những nội dung cơ bản của Quy chế gồm: xác định đầu mối cung cấp thông tin; việc chuyển

giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin; cập nhật thông tin; trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin... Căn cứ vào các nội dung này, việc ban hành Quy chế nội bộ của từng cơ quan sẽ đơn giản và thuận lợi hơn.

Phần 7

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ KHÁC

85. Khi thi hành Luật tiếp cận thông tin, tại sao cần chú trọng công tác lưu trữ và số hóa văn bản?

Trả lời:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác lưu trữ và số hóa văn bản, hồ sơ, tài liệu, Luật tiếp cận thông tin đã quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin phải giữ hồ sơ, tài liệu đã được nhập vào danh mục và phải xếp loại theo cách thức, hình thức tạo thuận lợi cho việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, bảo đảm thông tin có thể được lưu trữ điện tử.

Một trong những nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân là việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân, do đó, trách nhiệm của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin là phải bảo đảm các điều kiện cần thiết về nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình. Trong số các biện pháp bảo đảm đó, để cung cấp thông tin cho công dân nhanh chóng, kịp thời thì hệ thống thông tin cần phải được lưu trữ đầy đủ, khoa học tại cơ quan cung cấp thông tin là một trong những điều kiện quan trọng. Khi công dân có yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước dễ dàng, thuận tiện trong việc cung cấp thông tin cho công dân mà không mất nhiều thời gian, công sức cho việc tìm kiếm thông tin, hoặc

phải phối hợp với các đơn vị trong cơ quan để tìm kiếm thông tin, hoặc phải gia hạn cung cấp thông tin để xử lý yêu cầu cung cấp thông tin. Việc lưu trữ đầy đủ, khoa học góp phần quan trọng trong việc bảo đảm thời gian cung cấp thông tin cho công dân của cơ quan cung cấp thông tin. Bên cạnh việc lưu trữ bằng bản giấy thì thông tin, hồ sơ, tài liệu cần được lưu trữ bằng bản điện tử.

Bên cạnh đó, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cung cấp thông tin cũng được chú trọng nhằm bảo đảm các thông tin do cơ quan tạo ra đều ở dạng đơn giản, sẵn có để có thể cung cấp ngay thông tin cho công dân. Hơn nữa, việc cung cấp thông tin cho công dân bằng bản điện tử là hình thức cung cấp thông tin nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả cho cả cơ quan nhà nước và công dân, bởi cơ quan nhà nước không mất nhiều thời gian, công sức để tìm kiếm thông tin, sao chụp và gửi thông tin cho công dân; công dân cũng không mất thời gian và chi phí khi sử dụng hình thức cung cấp thông tin này.

Do đó, các thông tin, văn bản, hồ sơ, tài liệu do cơ quan nhà nước tạo ra cần phải được nhanh chóng số hóa nhằm công khai thông tin dễ dàng trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan hoặc tạo thuận lợi cho công dân tiếp cận thông tin theo yêu cầu qua mạng điện tử.

86. Chữ ký số được sử dụng khi nào trong trường hợp thực hiện quy định của Luật tiếp cận thông tin?

Trả lời:

Đối với văn bản giấy, việc xác thực được thông qua chữ ký tay của người gửi và con dấu của tổ chức. Đối với văn bản, tài liệu điện tử, thì việc xác thực được thực hiện bằng chữ ký số là giải pháp đảm bảo tính an toàn. Bởi vậy, chữ ký số ngày càng được áp dụng rộng rãi đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Trong việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, tùy theo tình hình thực tế của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin, chữ ký số có thể được sử dụng trong các trường hợp thông báo từ chối, gia hạn, thông báo về việc giải quyết yêu cầu tiếp cận thông tin trong trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua mạng điện tử.

87. Cơ quan nhà nước thu chi phí tiếp cận thông tin của công dân có được trực tiếp sử dụng các chi phí đó không? Việc quản lý và sử dụng chi phí tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định nào?

Trả lời:

Một số nước trên thế giới quy định thu phí tiếp cận thông tin với mức cao làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tiếp cận thông tin, có thể tạo ra một số rào cản không cần thiết. Tuy

nhiên, với quan điểm cung cấp thông tin là trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, vì vậy, Luật không đặt ra việc thu phí hay lệ phí tiếp cận thông tin, trừ trường hợp luật khác có quy định. Người yêu cầu cung cấp thông tin chỉ phải trả các chi phí thực tế cho việc in ấn, sao chụp, gửi thông tin. Về mức chi phí cụ thể, việc quản lý và sử dụng chi phí cung cấp thông tin, Luật ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể.

Chi phí thu được từ việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân phải được nộp vào ngân sách nhà nước để bù đắp cho ngân sách nhà nước phải bảo đảm các điều kiện cho việc cung cấp thông tin cho công dân như chi phí thực tế cho việc in ấn, sao chụp, gửi thông tin. Cơ quan nhà nước khi thu chi phí tiếp cận thông tin của công dân không được trực tiếp sử dụng các chi phí tiếp cận thông tin.

Việc quản lý và sử dụng chi phí tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

88. Tính từ thời điểm Luật được Quốc hội thông qua đến khi Luật có hiệu lực là hơn 02 năm. Lý do của việc kéo dài thời điểm có hiệu lực của Luật như vậy là gì?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin được Quốc hội thông qua ngày 06/4/2016 nhưng Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. So với các luật được Quốc hội ban hành trong nhiều năm gần đây thì việc xác định thời điểm có hiệu lực của Luật là khá muộn. Nhìn chung, một đạo luật được ban hành luôn luôn

được xem xét về sự cần thiết ban hành, tính cấp bách, tính ưu tiên trong đó có cả vấn đề về thời điểm ban hành cũng như thời điểm có hiệu lực của Luật. Việc Luật sớm có hiệu lực sẽ tạo điều kiện cho công dân sớm được thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, có những đạo luật và tùy theo mỗi quốc gia (điều kiện thực tế) mà cần phải có sự chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cần thiết cho việc thi hành một đạo luật cụ thể. Nghiên cứu thông lệ các nước cho thấy, đối với các đạo luật thực hiện quyền của công dân, trong đó có Luật tiếp cận thông tin, cần phải có đầy đủ các nguồn lực cần thiết, kể cả về cơ sở vật chất, con người, kinh phí, các yếu tố kỹ thuật, kinh nghiệm và thậm chí các thiết chế độc lập để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân (ví dụ: có nước có các cơ quan quốc gia để bảo vệ quyền tiếp cận thông tin, bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân...). Luật tiếp cận thông tin của Việt Nam lần đầu tiên được ban hành nên nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân là rất lớn trong điều kiện xã hội thông tin, cách mạng công nghệ và bùng nổ thông tin như hiện nay.

Luật quy định trách nhiệm của tất cả các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong việc cung cấp thông tin cho người dân với phạm vi thông tin lớn, đa dạng trên các lĩnh vực, đòi hỏi tất cả các cơ quan phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng. Việc quy định thời điểm Luật có hiệu lực thi hành khá muộn là để các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thời gian để chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp thông tin, bảo đảm cho việc thi hành Luật có hiệu quả, bảo đảm tính khả thi của Luật.

89. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018, vậy những thông tin được tạo ra trước thời điểm này có thuộc phạm vi áp dụng của Luật này không?

Trả lời:

Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018, do đó, những thông tin được tạo ra từ ngày Luật có hiệu lực được tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin. Đây cũng là nguyên tắc chung khi xây dựng pháp luật về tiếp cận thông tin của các nước và phù hợp với thông lệ trên thế giới, đồng thời cũng phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

Bên cạnh đó, việc tiếp cận thông tin được tạo ra trước ngày Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực thì vẫn được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đã được ban hành trước ngày Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực. Ví dụ: thông tin trong lĩnh vực đất đai thực hiện theo Luật đất đai, thông tin trong lĩnh vực xây dựng thực hiện theo Luật xây dựng, thông tin trong lĩnh vực môi trường thực hiện theo Luật bảo vệ môi trường...

Nhưng cần lưu ý, dù cung cấp thông tin theo quy định pháp luật chuyên ngành nào cũng cần phù hợp với quy định tại Điều 3 của Luật tiếp cận thông tin để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân được thuận lợi, bảo đảm thông tin được cung cấp là chính xác, kịp thời, việc cung cấp thông tin tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Phần 1. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT, CÁC KHÁI NIỆM VÀ NGUYÊN TẮC TIẾP CẬN THÔNG TIN

1. Luật tiếp cận thông tin điều chỉnh những vấn đề gì? Ý nghĩa, mục đích của việc ban hành Luật tiếp cận thông tin ở nước ta?

2. Trong đời sống thường ngày, “thông tin” là một khái niệm rất rộng và có nhiều cách hiểu khác nhau. Vậy “thông

tin” theo quy định của Luật tiếp cận thông tin được hiểu như thế nào?

3. “Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra” trong Luật tiếp cận thông tin được hiểu như thế nào?

4. Thế nào là “cung cấp thông tin do mình tạo ra”? “Đơn vị chủ trì tạo ra thông tin” được hiểu như thế nào?

5. Ngoài việc tiếp cận thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, người dân còn có thể tiếp cận thông tin theo quy định của những văn bản quy phạm pháp luật nào khác hay không?

6. Bản án, các quyết định của tòa án và hồ sơ các vụ việc sau khi có phán quyết của tòa án, công văn của các cơ quan nhà nước có là thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tiếp cận thông tin hay không?

7. Hồ sơ, tài liệu, biên bản các cuộc thảo luận phục vụ cho quá trình ra quyết định của cơ quan nhà nước có phải là thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tiếp cận thông tin không?

8. Thế nào là “tiếp cận thông tin”, “cung cấp thông tin” theo quy định của Luật tiếp cận thông tin?

9. Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được thực hiện theo những nguyên tắc nào?

10. Luật tiếp cận thông tin có cơ chế nào bảo đảm việc

thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người mất hoặc chưa đủ năng lực hành vi dân sự?

11. Trong trường hợp Luật tiếp cận thông tin và các luật khác có quy định khác nhau về việc tiếp cận thông tin thì áp dụng quy định của luật nào?

12. Thông tin đã chuyển sang lưu trữ thì tiếp cận theo cách thức nào?

13. Trường hợp nhà báo tiếp cận thông tin phục vụ cho tác nghiệp báo chí thì thực hiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin hay Luật báo chí?

Phần 2. THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN, KHÔNG ĐƯỢC TIẾP CẬN, THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN

14. Công dân được tiếp cận những thông tin nào của cơ quan nhà nước?

15. Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân không được tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin?

16. Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân có thể tiếp cận trong những điều kiện nhất định?

17. Cơ sở để xác định việc cung cấp thông tin liên quan

đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu/cá nhân/các thành viên gia đình là gì?

18. Bằng chứng thể hiện cá nhân/các thành viên trong gia đình đồng ý cung cấp thông tin liên quan đến cá nhân/gia đình là gì? Trường hợp thông tin có liên quan đến bí mật gia đình thì có cần phải được tất cả các thành viên trong gia đình đồng ý không?

19. Trong trường hợp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh có đồng chủ sở hữu thì có cần phải được tất cả các chủ sở hữu đồng ý cung cấp hay không?

Phần 3. CHỦ THỂ CUNG CẤP THÔNG TIN, CHỦ THỂ TIẾP CẬN THÔNG TIN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG TIẾP CẬN THÔNG TIN

20. Tại sao Luật tiếp cận thông tin chỉ quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đối với công dân? Luật có cơ chế nào cho phép người nước ngoài có thể tiếp cận thông tin không?

21. Tổ chức, doanh nghiệp có được tiếp cận thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin không?

22. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp được thực hiện như thế nào?

23. Những cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp thông tin?

24. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có các đơn vị tổ chức sự nghiệp công lập thì việc tiếp cận thông tin do các đơn vị này tạo ra và nắm giữ được thực hiện như thế nào?

25. Cơ quan nào chịu trách nhiệm trực tiếp cung cấp thông tin của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân?

26. Cơ quan nhà nước thực hiện những phương thức nào để công dân có thể tiếp cận thông tin?

27. Trong tiếp cận thông tin, công dân có những quyền và nghĩa vụ gì?

28. Quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?

29. Luật đặt ra trách nhiệm bồi thường trong thực hiện tiếp cận thông tin là cần thiết để tăng cường trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin và cán bộ đầu mối đối với nhiệm vụ cung cấp thông tin cho công dân, là biện pháp để công dân yêu cầu cơ quan nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm. Công dân có nghĩa vụ gì khi sử dụng thông tin đã tiếp cận?

30. Công dân có được sử dụng lại thông tin mình đã tiếp

cận vào mục đích thương mại hay không?

31. Công dân có phải trả phí tiếp cận thông tin không?

32. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong việc tiếp cận, cung cấp thông tin?

33. Việc giám sát bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?

Phần 4. CÔNG KHAI THÔNG TIN

34. Những thông tin nào cơ quan nhà nước phải chủ động công khai rộng rãi để công dân tiếp cận?

35. Trong trường hợp thông tin không thuộc loại thông tin phải được công khai mà cơ quan nhà nước nhận thấy việc công khai thông tin là cần thiết thì cơ quan nhà nước có thể công khai hay không?

36. Trường hợp thông tin phải được công khai rộng rãi có liên quan đến nhiều cơ quan thì cơ quan nào có trách nhiệm công khai thông tin?

37. “Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” không đáp ứng định nghĩa về “thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra”, nhưng vẫn phải được công khai rộng rãi. Tại sao?

38. Luật tiếp cận thông tin quy định về thời điểm công khai thông tin như thế nào?

39. Các hình thức công khai thông tin rộng rãi? Có nên áp dụng đồng thời các hình thức không?

40. Cơ quan nhà nước phải công khai những thông tin nào trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử?

41. Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử thì công khai thông tin bằng hình thức nào?

42. Cơ quan nhà nước có được phép quyết định việc công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng hay không? Việc công khai thông tin trên báo chí được thực hiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin hay Luật báo chí?

43. Trong trường hợp nào thì cơ quan nhà nước phải công khai thông tin bằng hình thức niêm yết?

44. Cơ quan nhà nước có được phép căn cứ vào điều kiện thực tế để công khai thông tin thông qua các hình thức khác mà không trái với quy định của Luật tiếp cận thông tin và các luật khác hay không?

45. Trường hợp phát hiện thông tin công khai không chính xác thì phải xử lý như thế nào?

Phần 5. CUNG CẤP THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

46. Những thông tin nào được cung cấp thông tin theo yêu cầu?

47. Các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin?

48. Ngôn ngữ và nội dung Phiếu yêu cầu cung cấp thông

tin được quy định như thế nào?

49. Có những loại mẫu phiếu nào cần biết khi thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin?

50. Trường hợp công dân yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến thông tin cá nhân của chính công dân thì có điều kiện gì không?

51. Trong trường hợp công dân yêu cầu cung cấp nhiều thông tin khác nhau thì họ phải gửi nhiều phiếu yêu cầu hay chỉ cần một phiếu yêu cầu cung cấp thông tin?

52. Công dân có được gửi cùng lúc nhiều yêu cầu cung cấp thông tin khác nhau đến một cơ quan nhà nước cụ thể hay không?

53. Khi nào thì phải thanh toán chi phí tiếp cận thông tin? Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thì cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin xử lý như thế nào? Nếu một người trước đó đã có yêu cầu cung cấp thông tin mà không trả phí thì có coi đó là căn cứ để từ chối yêu cầu sau của họ hay không?

54. Việc rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp được thực hiện như thế nào?

55. Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo yêu cầu thông qua các hình thức nào?

56. Cơ quan nhà nước có phải cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị trong mọi trường hợp không?

57. Có trường hợp nào cơ quan nhà nước phải trực tiếp lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan trước khi cung cấp thông tin hay không?

58. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện như thế nào? Trong trường hợp cơ quan nhận được yêu cầu cung cấp thông tin không do mình tạo ra hoặc nắm giữ nhưng biết rõ cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ thông tin đó thì có thể chuyển yêu cầu sang cơ quan nhà nước đó hay không?

59. Cơ quan nhà nước giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin như thế nào?

60. Cơ quan nhà nước được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong những trường hợp nào?

61. Khi nào cơ quan nhà nước có thể từ chối cung cấp thông tin trong trường hợp xác định “thông tin mà việc cung cấp vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước”?

62. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cập nhật tình trạng giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho người yêu cầu hay không?

63. Khi nào thì có thể xác định được “thông tin phức tạp, không có sẵn”, “thông tin đơn giản, có sẵn”? Trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải “cung cấp ngay thông tin” được hiểu như thế nào trong điều kiện không có cán bộ chuyên trách cung cấp thông tin?

64. Thời hạn cung cấp thông tin theo yêu cầu có thể được gia hạn trong những trường hợp nào? Trường hợp xét thấy không thể cung cấp thông tin đúng thời hạn quy định, cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin phải làm gì?

65. Việc cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin được thực hiện theo trình tự, thủ tục như thế nào?

66. Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không đến trụ sở cơ quan cung cấp thông tin để tiếp cận thông tin theo thông báo của cơ quan nhà nước nhưng sau đó lại tiếp tục yêu cầu cung cấp thông tin theo hình thức khác thì cơ quan nhà nước xử lý như thế nào?

67. Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện trong các trường hợp nào? Trình tự, thủ tục như thế nào?

68. Trong trường hợp người yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin qua mạng điện tử nhưng không tiếp cận được thông tin dưới hình thức này thì họ có thể yêu cầu cung cấp thông tin theo hình thức khác không? Nếu có yêu cầu trong trường hợp này thì được tiếp nhận và xử lý như thế nào?

69. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax như thế nào?

70. Trong trường hợp thông tin được yêu cầu có phần cần loại bỏ trước khi cung cấp, cơ quan cung cấp thông tin có phải giải thích rõ với người yêu cầu cung cấp thông tin hay không?

71. Trong trường hợp thông tin được yêu cầu là văn bản thì cơ quan được yêu cầu cung cấp toàn bộ văn bản hay có thể lược bớt những phần không liên quan?

72. Việc các cơ quan nhà nước lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu nhằm mục đích gì?

73. Người yêu cầu có được sử dụng các phương tiện của mình để tiếp cận thông tin không? Người khuyết tật có được sử dụng thiết bị trợ thính để tiếp cận thông tin không? Công dân có được sử dụng điện thoại để chụp văn bản, tài liệu, hồ sơ mà không cần sử dụng máy photocopy của cơ quan không?

74. Cơ quan nhà nước có cần đặt lịch hẹn cho công dân khi tiếp cận thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan không?

75. Cơ quan nhà nước có bắt buộc phải bố trí lịch tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân tất cả các ngày trong tuần?

76. Ai có trách nhiệm xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác? Trình tự, thủ tục xử lý như thế nào?

Phần 6. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN

77. Những biện pháp nào được Luật tiếp cận thông tin quy định nhằm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân?

78. Trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, cơ quan cung cấp thông tin thực hiện những trách nhiệm nào?

79. Việc lập, cập nhật và công khai Danh mục thông tin phải được công khai được thực hiện như thế nào?

80. Cơ quan nhà nước có phải bố trí một bộ phận chuyên trách/cán bộ chuyên trách làm đầu mối cung cấp thông tin hay không?

81. Đơn vị/cán bộ được giao làm đầu mối cung cấp thông tin thực hiện những trách nhiệm nào?

82. Những biện pháp bảo đảm trang bị, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin?

83. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin được quy định như thế nào? Tại sao cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường số hóa các thông tin, tài liệu?

84. Tại sao cần thiết ban hành quy chế nội bộ về cung cấp

thông tin của mỗi cơ quan?

Phần 7. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ KHÁC

85. Khi thi hành Luật tiếp cận thông tin, tại sao cần chú trọng công tác lưu trữ và số hóa văn bản?

86. Chữ ký số được sử dụng khi nào trong trường hợp thực hiện quy định của Luật tiếp cận thông tin?

87. Cơ quan nhà nước thu chi phí tiếp cận thông tin của công dân có được trực tiếp sử dụng các chi phí đó không? Việc quản lý và sử dụng chi phí tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định nào?

88. Tính từ thời điểm Luật được Quốc hội thông qua đến khi Luật có hiệu lực là hơn 02 năm. Lý do của việc kéo dài thời điểm có hiệu lực của Luật như vậy là gì?

89. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018, vậy những thông tin được tạo ra trước thời điểm này có thuộc phạm vi áp dụng của Luật này không?